

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỔ NÀY :

- | | |
|--|------------------|
| * Bác-sĩ Versin | Lê-văn-Ngôn |
| * Tự-vị chữ nho | Ứng-Hòe |
| * Xây mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa | Trực-Thần |
| * Dịch thơ tây | Cách-Chi |
| * Quyển « Thi-văn bình-chủ » (VII) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, II) | Phan-khắc-Khoan |
| * Nùng-Tri-Cao... (I) | Sóng-Băng |
| * Những ông nghề triều Lê (LIII) | Ứng-Hòe |
| * Nguyễn văn Trương (II) | Nguyễn Triệu |
| * Nội dung bộ « Lịch-triều hiến chương » (I) | H.-B. |
| * Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt truyện » (XV) | Thọ-Xuân |
| * Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XVIII) | Nguyễn-huy-Tướng |

MỘT ẨM-NHÂN CỦA NHƠN LOẠI

Bác-sĩ Yersin(22 Sept. 1863 — 1er Mars 1943)
người đã chiến thắng bệnh dịch hạch

của Bác-sĩ LÊ VĂN-NGÓN

cựu học-sanh tại Vi-trùng Viện Pasteur ở Lyon

BÁC sĩ Yersin ! Nhà thám-hiêm cực kỳ can đảm nhiều phen một thầy một tớ đề chon lên miền nam dải núi Trường-sơn, chỗ đây thú dữ rân to và nhờ đó mà tìm thấy Dalat ; nhà vi-trùng học tận tâm khảo-cứu về các bệnh truyền-nhiễm của súc vật như là bệnh dịch-hạch trâu bò, đã tìm ra vi-trùng chứng sốt hồi-qui (fièvre récurrente) ; nhà thực dân đã nghiên-cứu và trồng nhiều thứ cây ngoại quốc có ích cho xứ ta như cây cao-su và quinquina ; nhà bác học luôn luôn quan tâm đến cả thấy vấn-đề có quan hệ đến nhơn loại ; nhà thực hành đã gây-dựng và sáng-lập trường Y-khoa Đại học Đông-dương ; nhà hiếu học ngày tối cặm-cui bên chồng sách báo cho tới phút cuối-cùng ! Bác-sĩ Yersin đã tạ thế tại Nha-trang ngày mùng một tháng ba tây năm 1943, thọ 79 tuổi, sau khi đã sống và chiến đấu gần 54 năm dưới trời Nam-việt !

Nhưng với ngần ấy công phu, ngần ấy lao khổ bác sĩ Yersin cũng chỉ là người ơn của ta, của xứ ta mà thôi. Sự phát-minh lớn lao của ông trong phạm-vi Y học đưa ông lên một địa vị hết sức quý là *ẩm-nhân của nhơn loại* vì ông đã tìm được vi-trùng bệnh dịch-hạch với thuốc đề chữa và thuốc ngừa bệnh tàn khốc đó.

Muốn thấy rõ diêm quan-trọng

của sự phát-minh ấy, ta cần phải nhắc lại lịch sử bệnh dịch-hạch, một bệnh đã nhiều phen làm cho cả nhơn loại phải sống trong vòng khủng-khiếp, phát triển rất thịnh-linh, giết bệnh-nhân rất mau chóng và giết rất nhiều trong một thời-gian ngắn-ngủi đến nỗi người còn sống sót tự hỏi có phải là kỳ tận thế sắp tới rồi chăng. Nhân dân vì sợ quá mà thành ra điên dại cha giết con, vợ giết chồng, con giết mẹ. Trong lịch-sử bệnh dịch-hạch có biết bao điều thảm khốc.

Dịch-hạch phát ra lần đầu tiên mà sách có chép là ở Athènes (Hi-lạp) một trăm năm trước Chúa giáng sinh. Qua thế-kỷ thứ sáu, tại kinh đô Thô-nhi-kỳ, 10.000 người chết mỗi ngày vì nó.

Nhưng thời-kỳ khủng-khiếp hơn hết thuộc về thế kỷ 14. Cả quả địa-cầu đều bị bệnh ấy. Vừa ngã ra chết, khắp thân-thể bệnh-nhân đều có dấu đen. Trong vòng ba năm, Âu-châu mất hết phần nửa nhơn-số và Á-châu bốn năm triệu người. Đọc lại sử sách kỹ-thuật thời-kỳ ấy, ta còn thấy rừng-minh sồn-óc : ngoài đường thấy nằm ngổn ngang không người chôn cất ; mùi hôi thúi lên tới cực-diêm làm cho khó thở ; người mới bệnh bị đem chôn sống ; nhiều người mẹ ăn thịt con. Người Do-thái bị tố-cáo là đem bệnh ấy gieo ra, nên bị nhân dân đón giết hằng muôn ngàn người

và có lẽ còn bị giết nhiều nữa nếu đức Giáo-hoàng Chémont V không tuyên-bố lên rằng người Do-thái không có can phạm chi đến việc lan-tràn của dịch-hạch. Sau ba năm lừng lẩy tung-hoành, bệnh hạch làm như đã biến đi mất. Rồi 300 năm sau, nó ra mặt lại : thành Luân-đôn, kinh-đô nước Anh, phải bị mất hết bảy muôn người và Hoàng-đế Nã-phá-Luân phải bị hao hơn hai ngàn chiến-sĩ ở Ai-cập.

Lâu lâu, bệnh hạch hiện ra, giết chỗ này ít ngàn, chỗ nọ ít trăm người rồi biệt hẳn ; đến nỗi năm 1850, trong mấy Y-khoa học-đường, giáo-sư nhắc lại bệnh ấy cho học-sanh nghe như một chuyện cổ tích vì cho rằng bệnh ấy không khi nào có nữa.

Bỗng, dưng một cái, năm 1894, bệnh dịch-hạch nổi lên rất dữ-dội ở Quảng-đồng và ở Bombay làm thiệt mạng hơn 100.000 người.

1894 ! Ấy cũng là năm được ghi vào lịch-sử vì chính năm này, bác sĩ Yersin tìm thấy vi-trùng dịch-hạch.

Năm này, dịch hạch từ Ấn-độ, Quảng-đông đã truyền tới Hưởng-cảng và Đông-dương cũng đang bị uy-hiếp một cách đáng sợ. Chánh-phủ Đông-dương lật đật đánh điện tin cho bác-sĩ Calmette đang linh-đỉnh trên mặt biển trên con đường về Pháp đang kêu ông trở lại, vì ông Calmette bấy giờ là

giám đốc vi-trùng viện Pasteur ở Saigon. Đường sá xa xôi, làm sao trở lại đặng. Calmette bèn điện khuyển Chánh-phủ Đông-dương tìm ông Yersin đương vui về ngao-du đầu đó trên miền thượng du Bắc-kỳ.

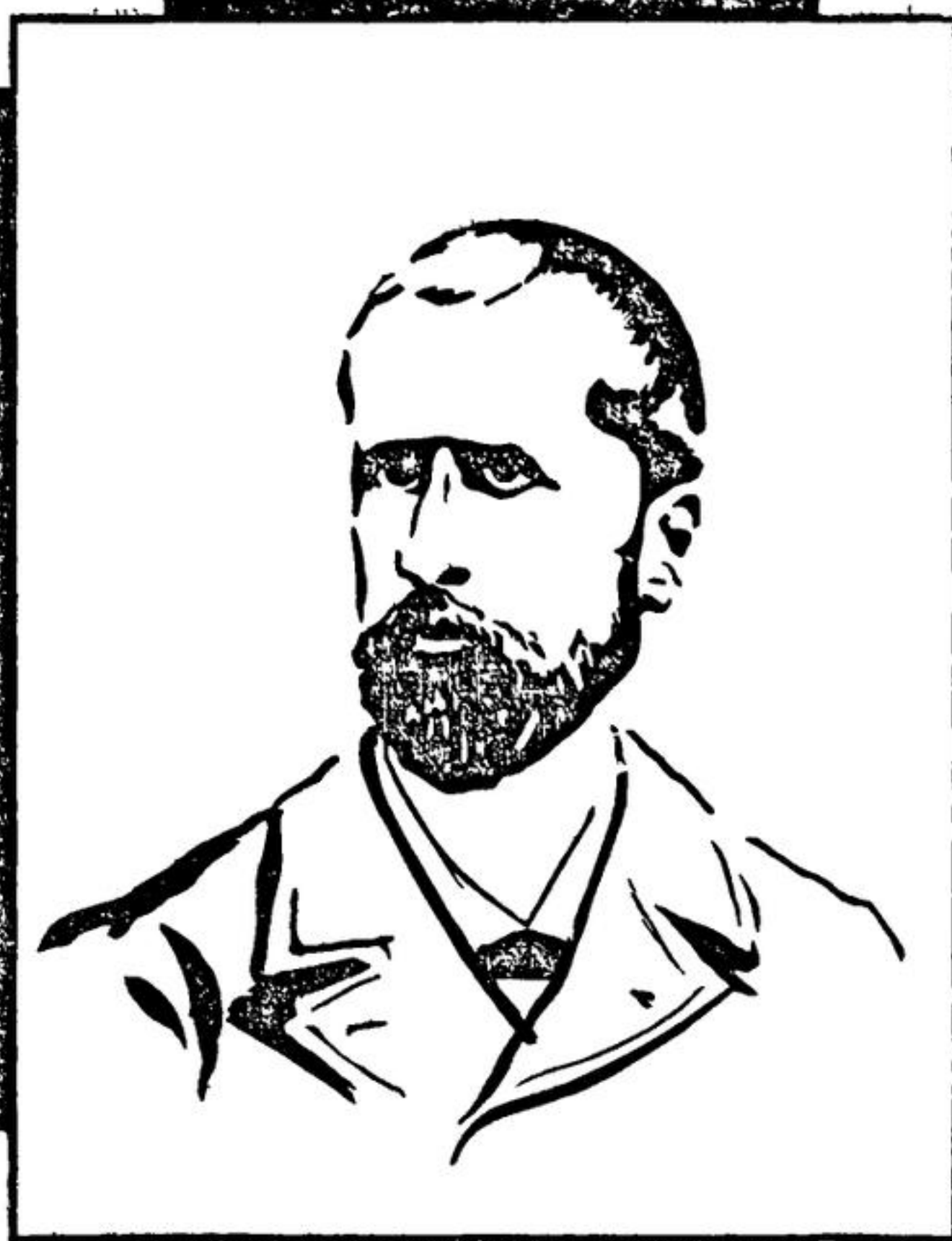
Được lệnh triệu, nhà thám-hiêm kiêm bác-sĩ Yersin lật-đật trở lại Hải-phòng rồi đáp tàu qua Hương-cảng. Ngày 15 Juin, ông tới đó và hay rằng dịch-hạch đã giết hết 300 người rồi. Ông liền bắt tay vào việc. Và, 48 giờ sau, trong một túp lều tranh tiêu tụy, ông chăm chỉ mổ tử-thi mà ông mới mua lại của những người khiêng đem chôn cất. Công việc làm rất khó khăn cực nhọc vì đã ít đồ thí-nghiệm lại thiếu người giúp-đỡ. Ngày kia, khi con mắt khoa học của ông đang đắm đắm nhìn trong kính hiển-vi, miệng ông bỗng rú lên tỏ có sự vui mừng vô hạn. Thì kia, trong

kính hiển-vi, lồ-nhố biết bao vi-trùng hình thoi, cụt, nhỏ, mập và hai đầu đều ăn màu đỏ. Vi-trùng ấy ở trong mủ những hạch của người bị dịch!

Lấy máu những người bị bệnh nặng mà xem, ông cũng thấy có vi-trùng ấy. Ông liền tìm thể « cấy » vi-trùng ấy cho thêm nhiều đặng tiện bề khảo-cứu.

Muốn chắc vi-trùng mới kiếm

đặng là vi-trùng dịch-hạch, phải có chứng-quả hẳn-hoài. Phải tiêm vi-trùng này cho thú vật dễ bị truyền nhiễm như bọ, chuột, những con thú ấy hẳn bị dịch-hạch. Ông bắt đầu thí-nghiệm và thấy rõ rằng vi-trùng hình thoi ấy quả là vi-trùng dịch-hạch vì bọ, chuột dùng để thí-nghiệm đều có nổi hạch rồi chết rất mau chóng. Bệnh ấy lại



truyền nhiễm rất dễ-dàng: những chuột mạnh mà ở chung với chuột bệnh đều bị lây. *không một con nào thoát khỏi.*

Vi-trùng bệnh dịch-hạch đã kiếm đặng từ đây và cũng từ đây nó mang tên nhà bác-học đã tìm thấy nó trước hết.

Cũng trong thời-kỳ đó, bác-sĩ Yersin xét thấy trong làng nào có

dịch-nhiều thì có thấy chuột nằm ngòn ngang trên đất. Sau khi tận tâm quan-sát, ông viết câu này: « Bệnh dịch-hạch là một bệnh truyền-nhiễm. Tôi tin chắc rằng chuột là con thú đem truyền bệnh ấy cho loài người. Vậy, muốn ngừa bệnh dịch-hạch cần phải diệt loài chuột ».

Năm 1894 ấy bác-sĩ Yersin mới có 31 tuổi. Và từ đó, chơn ông được bước lên đài Vinh-quang, tên ông được ghi vào lịch-sử.

'Kiểm đặng vi-trùng, phải kiểm luôn thuốc trị. Không chần-chể, ông đáp tàu về Bá-lô (Paris) đặng cùng bạn cũ là Calmette và Borrel nghiên cứu thêm về bệnh có tiếng là khốc-hại này. Ông thấy rằng nếu tiêm vi-trùng dịch-hạch chết cho chuột mạnh rồi tiêm thêm vi-trùng còn sống cho chúng thì làm như chúng có đặng chích ngừa, chúng không bị dịch-hạch. Thấy

vậy, ông liền dùng loài ngựa thể cho chuột và cũng thí-nghiệm như vậy. Sáu tuần sau khi tiêm vi-trùng chết cho ngựa, ông chích lấy má ngựa để máu lắng xuống đặng lấy « huyết thanh » (sérum) n trên mặt. Ông dùng « huyết thanh » ấy mà tiêm cho chuột bị dịch-hạch thì chuột này mạnh

(Xem tiếp trang 16)

TU - VI CHỮ NHỎ

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

ÔNG Thiệu-chữ (Nguyễn-hữu-Kha) mới ra quyển *Hán-Việt tự-diễn*, tập bị-yếu. Sách in ở nhà in Đuốc-tuệ, khổ giấy 14×19, dày 834 trang, xếp theo bộ nhất, còn, chủ, phiệt, chữ không theo vần a, b, c.

Tôi có đem so với quyển *Petit dictionnaire chinois - français* của ông F. S. Couvreur, là quyển rất tiện-dụng cho những người tân-học, thì tôi thấy ở hai trang đầu quyển *Hán-Việt tự-diễn* của ông Thiệu-Chữ thiếu những chữ sau này :

« Nhất nhất », từng cái một, hoặc từng người một, do điển Tề-tuyên vương có bốn thoi sáo 300 người ; trong số 300 người ấy, có Sử-sĩ ở Nam-quách không biết thoi sáo mà cũng dự vào ; đến khi Mân-vương lên ngôi, sai từng người ra thoi để nghe (nhất nhất thính chi), thì Sử-sĩ trốn mất (*Hàn - phi tử*). Chữ « nhất nhất » dùng vào tiếng ta thì lại khác, phải cắt nghĩa là hết thầy, cái gì cũng thế thí-dụ như câu : làm việc gì cũng vậy, nhất-nhất phải nhớ đến quốc-gia.

« Nhất sinh » : 1, từ trẻ đến già ; 2, tiếng nhà Phật, nghĩa là cái lần mới sinh một lần (nhất thứ sinh thân *Từ nguyên*) : trong *háp-tập kinh* có câu : « Năng nhất sinh, nhị sinh, ..., bách thiên sinh ».

« Nhất đức », đức trong sạch, trong-giản (thuần-nhất chi đức), do chữ *Kinh Thư* : « hàm hữu nhất đức », nghĩa là vua tôi đều có

đức thuần-nhất. Vì có câu ấy mới hóa ra nghĩa vua tôi cùng một lòng một đức « nhất đức, nhất tâm ».

« Thất tịch », mồng bảy tháng bảy của âm lịch : quyển *Kinh Sở tuế-thời ký* chép phía đông sông Thiên-hà (tức Ngân-hà) có nàng Chức-nữ (con gái dệt vải) là con Thiên-đế, hàng năm dệt áo vân-cầm cho Thiên-đế rất là khó nhọc Thiên-đế thương nàng ở một mình, gả cho chàng Khiên-ngưu (chăn trâu ở phía tây sông. Sau khi lấy chồng nàng bỏ nghề dệt : Thiên-đế giận, bắt về phía đông sông Thiên-hà, chỉ cho mỗi năm qua sông gặp nhau một lần, vào đêm mồng bảy tháng bảy. Ta bắt

chước Tàu, nên có câu « tháng bảy mưa ngâu » : chữ « ngâu » do chữ « ngư » nói trạnh ra. Sao Ngưu và sao Nữ là tên hai vị sao trong « nhị-thập bát-tú ».

« Thất thất », tuần 49 : tục truyền người chết cứ bảy ngày cúng một tuần, đến tuần thứ bảy là 49 ngày, làm lễ « tốt khốc » (thời khốc). Sách *Điền-Nghệ-Hành xuân-vũ dật hưởng* chép rằng : « Người ta khi mới đẻ, cứ bảy ngày làm lễ lạp ; đến khi chết đi, bảy ngày làm lễ kỵ ; mỗi một lần lễ lạp thì sinh ra một vía (phách) ; mỗi một lần lễ kỵ thì tan đi một vía ».

« Trọng-mẫu » : 1, vợ người bạn của cha, hoặc mẹ người bạn của mình ; 2, mẹ vợ.

« Trọng - phu » : 1, gọi chung người đàn ông ; *Mạnh-tử* có câu « Bĩ trọng-phu già, ngã trọng-

HÃY ĐỌC

VÌ-CHÚA NGUYỆT-SAN

bằng quốc-văn, hán-văn, pháp-văn

50 bis Avenue Khải-Định Huế

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

TRÌNH BÀY MỸ-THUẬT, BÀI VỎ LỰA CHỌN

VÌ-CHÚA

Là một cơ quan khảo-cứu triết-học, khoa-học, lịch-sử, văn-chương, sưu tập những cái tinh túy trong văn-hóa Âu-Á để xây đắp cho nước nhà một nền văn-hóa với cuộc đời mới.

VÌ-CHÚA

Gồm có đủ tay thông nho như Cụ Tiều-Cao Nguyễn-văn-Mục, thông văn-hóa La-tinh Hy-Lạp như Cha Dom Romain, thấu suốt quốc văn như ông Hoài-Thanh Nguyễn-đức-Nguyên phụ bút.

VÌ-CHÚA

Rất hân hạnh đón tiếp các nhà văn không vì một định kiến đã làm cho chia rẽ sức mạnh nước nhà, vui lòng giúp Bản-san.

Một điều chắc : Các bạn đọc không khi nào thất vọng sau khi đọc VÌ-CHÚA vì VÌ-CHÚA không khi nào làm thất vọng các nhà văn.

Giá báo : 1 năm 12\$ 00 — 6 tháng 7\$ 00 — 3 tháng 4\$ 00

phu già », kẻ kia là người đàn ông, ta là người đàn ông ; 2, vợ gọi chồng là trượng-phu. Đến nghĩa « trượng-phu » của ta thì hơi khác : khen người đàn ông có chí-khi anh-hùng gọi là trượng-phu.

« Thượng-cồ », thời-đại viễn - cồ ; người ta gọi trước khi có sách-vở giấy-mực là thượng - cồ ; đời sau sở dĩ chia ra làm « thượng-cồ » và « trung-cồ » là vì thời đại khác nhau : hiện nay trong sử Tàu phần nhiều chép từ đời Hồng-hoang đến đời Tần (221-209 trước Thiên - chúa) là thượng-cồ ; Âu-châu thì cho từ trước kỷ nguyên đến năm Tây-La-mã bị mất (khoảng năm 476 sau Thiên - chúa) là thượng cồ.

« Thượng - đế » : 1, vua trên giới ; 2, đạo Cơ - đốc gọi ngôi Thiên-chúa là Thượng-đế ; 3, sách *Tổ-văn* là sách thuốc cả nghĩa thượng-đế là vua đời thượng-cồ.

« Thượng-tọa », tiếng nhà Phật : 1, lời tôn xưng các vị tăng, ý nói ở ngôi rất cao, trên không có ai, cho nên gọi là thượng-tọa ; 2, các thầy tăng ở chùa có một chức thượng tọa, là lãnh tụ một chùa, ở dưới chức trụ-trì.

« Thượng danh », biên tên vào.

« Thượng hương » dâng hương.

« Hạ thủ » : 1, xuống tay ; 2, tay kém ; tục gọi người nghệ thuật cao-cường là thượng-thủ, người kém gọi là hạ-thủ.

« Hạ lệnh » : xuống mệnh lệnh.

« Bất nhật » : không đầy một ngày ; Kinh Thi có câu : « bất nhật thành chi », nghĩa là làm xong không đầy một ngày.

« Bất nhật » ra tiếng ta thì lại

Trách mình

*Nửa bụng cơm chiêm, nửa bụng rau,
Ngoài tai gặc hết chuyện công hầu.
Mười lăm năm ấy : khen, chê, trách,
Riêng trách sao danh lợi chẳng cầu.*

TIỀN-ĐÀM

nghĩa là thế nào cũng có ngày.

Đây là một vài chữ thiếu ở hai trang đầu xét ra toàn là những chữ thường dùng, cần phải có trong *Tập bị-yếu*, nhưng giảng vẫn-tắt, không theo lối tôi giảng trên kia.

Đến cách xếp-đặt, tôi tưởng nên làm như thế này : Bao nhiêu những danh-từ, nên xếp theo chữ trên, không nên xếp theo chữ dưới. Ông Thiệu-Chử xếp « kim-thượng » vào chữ « thượng » (trang 2), kẻ cũng không phải là sai, nhưng đến chữ « kim » (trang 15), ông quên, không dặn độc-giả tìm vào chữ « thượng ». Giá xếp cả vào chữ đầu, thì tìm vừa dễ, vừa chóng, mà tác-giả đỡ mất công, mất giấy, chưa câu : « Xem chữ... »

Tôi thí dụ như thế này nữa, cho dễ hiểu : chữ « bình » có những danh-từ « bình-an », « bình-sinh », v.v., nên xếp vào chữ « bình » vì là chữ đầu ; còn « thái-bình » thì xếp vào chữ « thái », « thang -

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giá tiền trước

bình » thì xếp vào chữ « thang », v. v.

Ông Thiệu - Chử cải nghĩa « thượng » là « trên », « hạ » là « dưới » (trang 2) ; rồi ông thêm một câu : « Phàm ở trên đều gọi là thượng », « Phàm cái gì ở dưới đều gọi là hạ ».

Thế thì rõ-ràng lắm, nhưng tôi tưởng những câu như thế, hơi thừa : giá đề chỗ dẫn một hai câu thí-dụ hay in vài cái mục-lục, thì còn có ích hơn. Mục lục cho tự-vị chữ nhỏ, tức là cái bảng chép chữ và cái bảng chép nghĩa theo văn quốc-ngữ : bảng chữ thì viết « nhất » trang mấy, bảng nghĩa thì viết « một » trang mấy, nhưng theo a, b, chứ không theo bộ.

Còn bộ thì phải đánh số lần-lượt : bộ « nhất » số một, bộ « còn » số hai, bộ « chủ » số ba, v.v. Ở đầu trang cũng đánh số bộ như thế, thì tìm mới dễ. Ông Thiệu-Chử chỉ viết tên bộ với số nét, thành ra phải thuộc lòng cả 214 bộ mới tìm được. Tôi mong ông sẽ bổ khuyết vào *Tập bị-khảo* cho người xem được thêm phần tiện-lợi.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Cải chính

Trong số 94 bài « Vài con số về thư viện » trang 6 cột 2 giòng 5 xin đọc là : nhà bảo quản văn khố kiêm cở tự học (archiviste-paléographe)

Kỳ sau :

Trả cho Đờ Chiêu

LÊ THỌ XU

Nguyễn Du viết « Đoạn trường tân thanh » vào lúc nào ?

ĐÀO DUY-AN

CHUNG - QUANH CÔNG - VIỆC

XÂY MỘ CỤ THỦ-KHOA NGHĨA (1)

do hội Khuyến-học Cần-thơ tổ-chức

TRỰC - THẦN



Một chiều nắng lợt, gió hiu hiu; lòng băng-khuâng nổi niềm hoài cò... như cò những u cảm dạt dào chỉ đợi một sức khơi nguồn là thoát thành lời than ai oán.

« Nóm-na lẽ mọn vài câu điệu,
« Vần-vởi đêm trường tiếng dế ngâm! (2)

Cái sầu lai láng của người bơ vơ nơi chiến-lũy, một tối mây đen, đặt dờ cơn gió trốt, leo lét ánh đèn trời, cũng nặng bằng cái buồn man mác của kẻ viết bài này, khi lần bước vào một cảnh vườn hoang tàn, cỏ tịch, tay vịn cành, tay vén lá, chơng gặp-gỡnh trên những thửa đất gồ ghề, mà cái vắng ngắt lạnh tanh càng làm cho thêm xao-xiến, ngậm ngùi!

Nơi yên nghỉ ngàn thu của cụ Thủ-khoa năm ất-vị (1835) chẳng qua là một nấm đất tàn, một tấm-bia xanh, ngày đêm không hương khói, âm thầm bên những bụi môn, lấm chuôi, khác nào một nấm mồ hoang!

Hai câu thơ buồn thấm thía trên bia, khi qua Hà-âm, cụ đã đem theo những hồn tử-sĩ, ngờ đâu, nay nay, lại là lời than ảo-não của lũ hậu sanh đang đau xót vì người thiên cò.

Bây mười nam qua, từ cái giờ

tang tóc mà nhà danh sĩ Long-tuyền trả xương về đất cũ, bao nhiêu ngày 21 tháng giêng đã trôi đi, thử hỏi có được bao giọng lệ tiếc nhớ? Có được bao ý nghĩ mến thương?

1872-1943, một khoảng thời-gian trọng đại. Mà, than ôi! Nào ai đã lo đến việc xây dựng một ngôi mộ tầm thường để tỏ lòng sùng bái người xưa? Nấm đất tàn vẫn giầy-giạn với gió sương, tấm bia xanh vẫn thi gan cùng tuế nguyệt!

Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm-thân, nhằm năm Tự-đức thứ 26 (1873), cụ Bùi Hữu Nghĩa từ già cỗi đời, giữa một cảnh nhà nghèo-nàn trong-sạch.

Mặc dầu gia-đình túng quẫn, cái danh giá một vị văn-thân bất buộc

có những ngày tang lễ long trọng. Sự chi-phí về ma chay được xứng đáng đã là 1 mối phiền lo!

Bà kế-thất của cụ Thủ-khoa là bà Lưu-thị-Hoán (tức Ý) buộc lòng đứng tên cùng một vài cao đồ của cụ để cầm cố chợ Bình-thủy cụ tạo hồi sanh tiền cho bà Bùi-thị-Hiền, cháu kêu cụ bằng bác. Cái số tiền vài trăm bạc chỉ vừa đủ tiêu pha vào đám táng. Cho nên, khi chiếc quan tài được nằm yên, khi một nắm đất được gom cao, thì không còn đủ sức để dựng tấm bia xanh nữa!

Rồi, từ đó, con cháu vì quá nghèo-luu lạc khỏi nơi nhau rún, dòng lớn (bà chánh thất Nguyễn-thị-Tồn tức Diệu) thì trôi dạt về quê ngoại trên Biên-hòa, dòng nhỏ (bà Lưu-thị-Hoán tức Ý) lại về bên

NHỮNG SÁCH CỦA

LÊ-THĂNG XUẤT BẢN

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

- | | |
|---|--------|
| 1-) Tiểu học Việt nam văn giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) | 1p.25 |
| 2-) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim | 3 . 50 |
| 3-) Grammaire Annamite, Trần-trọng-Kim | 4 . 50 |
| 4-) Phật lục, Trần-trọng-Kim | 0 . 80 |
| 5-) De Hanoi à la Courtine, Phạm-duy-Khiêm | 1 . 50 |

Đang tái bản

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1 — Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

DI CH THƠ TÂY

Le vase brisé

Le vase où meurt cette verveine
D'un coup d'éventail fut fêlé ;
Le coup dut l'effleurer à peine,
Aucun bruit ne l'a révélé.
Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour,
D'une marche invisible et sûre
En a fait lentement le tour.
Son eau fraîche a fui goutte à goutte
Le suc des fleurs s'est épuisé ;
Personne encore ne s'en doute :
N'y touchez pas, il est brisé.
Souvent aussi la main qu'on aime,
Effleurant le cœur, le meurtrit ;
Puis le cœur se fend de lui-même,
La fleur de son amour périt.
Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croître et pleurer tout bas
Sa blessure fine et profonde :
Il est brisé, n'y touchez pas.

SULLY PRUDHOMME

Chiếc bình vỡ

Trong bình lan ủa rầu rầu
Bình vừa bị quạt chạm vào rạn ra.
Quạt ngà mới sẽ phớt qua,
Người không nghe thấy tiếng va vào bình.
Nhưng mà vết rạn vô hình
Ngấm ngấm cắn chất thủy-tinh hằng ngày
Như tằm ăn lá trên cây
Dần-dà nứt một đường dài vòng quanh.
Nước dương từng giọt long-lanh
Chảy đi dễ nhựa hoa đành kiệt khô.
Người ta còn vẫn không ngờ :
Bình kia đã vỡ, đừng sờ đến chi.
Tay người yêu cũng có khi
Phớt qua tim đề tim ví ai đau ;
Rồi tim tự nó rạn sau,
Đóa hoa bình ái héo rầu chết đi.
Mắt đời nào có thấy gì
Vết thương u-uất tỷ-ty lệ hòa
Lần lần lan rộng ai ngờ :
Tim kia đã vỡ, đừng sờ đến chi.

CÁCH CHI

ngoại ở Vĩnh-thông (Châu-đốc).

Lần-lữa tháng ngày qua, năm
mộ không bia chỉ nhờ hai trò
nhứt của cụ là Nguyễn-phước-
Dương và Nguyễn-giác - Nguyên
chăm nom dọn cỗ.

Lối 40 năm về sau, hai người
con thứ tư và thứ bảy, ông Bùi-
hữu-Tú và ông Bùi-hữu-Sanh, mới
lo dựng được tấm mộ bi, do con
ông Tú là Bùi-hữu-Phước, một
người thợ đá, khắc chữ và gửi tự
Biên-hòa xuống Long-tuyền.

Tấm mộ bi nay hãy còn, bề
mặt quay vào đầu mộ, và có khắc
ba giò chữ sau đây :

Giữa : Đại-Nam

Hiền khảo giải nguyên Bùi
phủ quân chi mộ.

Bên mặt: Tốt vu nhâm-thân niên,

chánh ngoạt, niệm nhứt nhứt.

Bên trái : Nam Bùi hữu Tú
kính lập.

Qua khỏi trụ đá 39 — ghi 4 cây
số ngàn cách châu-thành Cần-thơ
— vài trăm bước và qua khỏi hàng
cây gòn dựa mé ruộng dài theo
đường tráng nhựa, thấy một nẻo
đường mòn gần khuất lấp dưới
đám cỏ xanh. Đi lần vào vài trăm
thước là đến nơi núi dập mớ xương
tàn của cụ Thủ-khoa.

Đó chỉ là một năm mộ gửi nhờ,
vì khoảnh vườn hương-hỏa đã bán
về gia-quyển ông Đốc-phủ Dương-
thân-Hỉ, thường gọi là ông Đốc-
phủ Hỉ.

Thử thách với thời-gian, năm
mộ ấy chờ đợi sự sốt sắng của 1
nhóm người hảo tâm xây dựng lại và

trở thành một nơi cổ tích vẻ vang.

Hiện nay, cái trách-nhiệm nặng
nề, Hội Khuyến-học Cần-thơ gánh
vác. Và, có lẽ không lâu, nó sẽ
hoàn toàn là ngôi mộ xứng đáng
với một bậc danh nho.

Giờ nay, dưới tuổi vàng, chắc
cụ Bùi-hữu-Nghĩa đang mỉm cười
thỏa mãn đề cho tiêu tan cái khối
tủi thăm đông đặc từ mấy mươi
năm.

TRỰC THẦN

(trong Tây-dó văn đoà

(1) Cụ Bùi hữu-Nghĩa tự Nghi-chí, ở
tại Bình-thủy, làng Long-tuyền tỉnh
thơ (trước là tỉnh An giang) năm
mão (1807), thác năm nhâm thân (1872).
Xem tiểu sử trong một bài sau.

(2) Hai câu chuyện, kết trong bài
« Quà Hà Âm hữu cảm » của cụ T.
khoa Bùi-hữu-Nghĩa.

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 7

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

V. — Cao-bá-Quát (bài nối)

BÀI dưới này là bài tựa đề ở tập thơ Cao bá-Quát (*Cao-bá-Quát thi tập*, sách viết bằng chữ nho của Trương Bắc-cổ, số A 210). Tuy chép sai và có một vài điều không đủ tin, nhưng tôi cũng dịch ra đây để thêm tài-liệu cho việc khảo cứu:

« Ông Cao bá-Quát người làng Phú-thị, tỉnh Bắc-ninh. Hai anh em một học sinh đôi, người lớn tên là Quát (1), người thứ hai tên là Đạt. Lúc nhỏ đều thông-minh dĩnh-ngộ, tư-chất khác thường, nhưng ông Quát giỏi hơn. Khi ông mới bảy, tám tuổi, nổi tiếng thần-dồng. Có một ngày, đi tìm thầy để đến học, vừa gặp thầy ra bài kinh-nghĩa: « Tử tại Tề văn thiêu », nghĩa là « Đức Không-tử ở nước Tề nghe nhạc thiêu ». Ông thầy bảo Quát làm, Quát cầm bút làm xong ngay, có một câu kết rằng: « Y! bình thủy tương phùng. Tử thị tha-hương chi khách, quan sơn nan viết, Tử vi thất lộ chi nhân, cố Tử tại Tề văn thiêu... », nghĩa là: « Ôi! nước bèo gặp-gỡ, thì đức Không là khách tha-hương; quan-sơn khó qua, thì đức Không là người lạc lối, cho nên đức Không ở nước Tề nghe nhạc thiêu ». Văn đệ lên, ông thầy lấy làm khen ngợi.

« Đến năm 14 tuổi, gặp khoa thi hương, hai anh em nộp quyền ứng (2), vào kỳ đệ nhất, làm có một bài xong, rồi cùng trẻ con khác quay (kích cầu). Lúc bấy giờ quan trường trông thấy, hỏi

gắn rằng: « Ngày hôm nay là ngày tranh khôi-đoạt giáp, ai ai cũng nghiên nghĩ, ngồi yên một chỗ để làm bài, sao hai chàng lại phóng-dăng như thế? » Hai ông thưa rằng: « Kỳ này may gặp các quan ra đầu bài dễ: anh em chúng tôi đã làm xong rồi; vì cửa trường chưa mở (cho học-trò ra), cho nên chúng tôi đánh quay cho qua thi-giờ, chớ không dám phóng-dăng. » Quan trường nghe lấy làm lạ, hỏi rõ biết con nhà dòng-dối, bèn ra một câu đối rằng: « Nhất bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ », nghĩa là một học sinh đôi, khó làm anh, khó làm em ». Ông đối ngay rằng: « Thiên tài nhất ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần », nghĩa là « Nghìn năm một kỳ hội-ngộ, có vua ấy, có tôi ấy ». Quan trường lấy làm kinh-dị, liền sai mở cửa cho ra.

« Khoa ấy hai anh em đều đỗ hương-tiến; ngày xướng danh, người ta thấy trên đầu còn đeo trái đào, ai cũng lấy làm lạ. Cách vài năm sau, ông về kinh thi hội, qua Nghệ-an có một ông tiến-sĩ là quan hưu dạy học-trò. Lúc ấy đương giờ giảng bài, anh em ông vái rồi đi vào, không đợi mời mà ngồi. Vừa thấy đọc bài phú « Ma trử thành châm », mài chày sắt thành kim, có câu: « Khả thung hốt nhĩ khả phùng, tín khả ma nhi bất lẩn; chí độn phản thành chí mẫn, tri công cửu nhi lực thành », nghĩa là đem đá gao được, bồng chốc lại đem khâu áo, chắc mài mà không mòn; rất độn lại hóa

rất nhanh, biết lâu công thì sức mới thành. Vị quan hưu tấm-tắc tự khen là hay; anh em ông bịt mũi đi ra: học-trò giận, toan đánh; vị quan hưu nói: « Không nên; ấy hẳn là người phi-thường », rồi sai người cố mời lại. Ông Quát lại vào, vị quan hưu hỏi rằng: « Câu ấy lời văn và ý-tư rất hay; làm sao đại-phương lại chê? » Ông thưa rằng: « Cái công thành ra kim, chắc không phải một ngày, thế thì hai chữ « hốt nhĩ » (bồng chốc) rất trái lý. » Vị quan hưu nói rằng: « Phải, xin ông chữa cho ». Ông bèn đổi làm hai chữ « chuyên tác » (hóa làm), rồi cùng nhau bàn văn chương: ông đối đáp chôi chầy, tất cả trường đều kinh phục. Vị quan hưu khen rằng: « Văn-lý của ông rất là mật-sát, từ-ý rộng-rãi; ngày kia lên chốn quỳnh-lâm, vào chỗ ngọc-đường, không phải ông thì còn ai nữa? »

« Về sau ông thi hội mãi không đỗ, trong lòng căm giận.

« Khi ông ở Nội-các, thường lấy văn-tự kiêu-ngạo với người ta. Triều-sĩ bấy giờ như Hà-tôn-Quyền, Nguyễn-đức-Chữ đều là người có tiếng trọng-vọng chốn triều-đình lúc bấy giờ, thế mà ông làm câu đối để khiêu-khích, có câu rằng: « Quân-tử ố kỳ văn chi chữ, Thánh-nhân bất đắc dĩ dụng quyền », nghĩa là người quân-tử ghét lối văn rõ-rệt, đứng thánh-nhân bất đắc dĩ mới dùng quyền. (Câu đối ấy mỗi bên có một chữ tên, có ý chê ông Quyền và ông Chữ).

« Lại có khi ông hiềm-khích với ông tiến-sĩ Nguyễn-bá-Nhạ; ông làm câu đối rằng: « Nhữ cầu vô nha, hà tốc ngã? Dư do hữu thiết, khởi thâu nhân? » Nghĩa là người

uếu không nanh, sao chóng hơn ta được? Ta còn có lưỡi, há thua người. (Câu này cũng dùng hai chữ lên, vì chữ *nhạ*, nha trong quai xước, mà chữ *quát*, thì thiệt trong quai xước; đại-ý nói: vì người có nanh, nên được chóng, nhưng ta cũng có lưỡi, không chịu thua; nói bóng ông Nhạ đã đỡ rồi, nhưng ông Quát không kém, nên không sợ).

« Ấy bình-sinh ông khầu-khí phần nhiều kiêu-bạc như thế, nên người đời hay ghét, mà ông không được đại-dụng. Sau ông được bổ giáo-thụ phủ Quốc-oai; em là Đạt làm tri-huyện Tiên-minh (3), rồi vì ông Quát mưu nghịch, bị giết lạy. Ôi! Hai anh em ông, về việc văn-chương, thực là bậc nhất của nước ta. Chỉ vì không gặp thời, cho nên văn-chương trước-thuật dấu nhiều, rồi cũng theo với người mà tiêu mòn đi hết! Nay chỉ còn một phần trong mười phần mà thôi, đáng tiếc thay! »

Ngoài những chỗ sai-nhầm tôi sẽ chưa dưới này, nên xem kỹ những câu thơ, câu đối, câu văn chép trên kia, như câu « Nhất bảo song sinh, nan huynh nan đệ » và câu « Ổ kỳ văn chi chữ, bất đắc dĩ dụng quyền », thì có thể tịn là của ông Cao-bá-Quát, đời sau không bịa nổi.

Còn những bài hát của ông Cao-bá-Quát, sách nôm của Trường Bác-cổ chép hơi khác quyền *Thi-văn bình-chú*, tôi sao lại vài câu như sau này: Trang 108, ông Ngô Tất-Tổ chép câu thứ bảy bài *Tặng biệt* là « Uầy kia ai như mây tuôn... », chữ « ai » này ở bản *Ca phở* của Trường Bác-cổ

(số sách A B 170 tờ 8 a) viết là chữ « đầu » nghe phải hơn. Trang 114, bài *Đôi từu hữu cảm*, câu thứ hai, ông Ngô Tất-Tổ chép là « Có bao năm? Ba vạn sáu nghìn ngày »: chữ « năm » đây không phải, chính là chữ « lăm »: « bao lăm » nghĩa là không mấy nổi, giống câu « Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy » ở bài *Nhàn hứng* in trang 115. Câu thứ chín bài *Đôi từu*, ông Ngô Tất-Tổ chép là « Giang-sơn ý mà thành-thị ý »: chính là « Thành thị ấy, mà giang-hồ ấy » (theo *Ca-phở*, tờ 13 a). Cũng bài ấy, *Cà trừu thề cách* (sách Bác-cổ, số A B 160, tờ 14 a) chép câu cuối cùng hơi khác và thêm ba câu như sau này: « Bốn mùa xuân hợp một nhà. (thêm) Sự tình thắm-thoát như là con thoi; Cho hay của thế người đời, Nghĩ chi cho thấp, dạ người như tấm ». Trang 115, bài *Nhàn hứng*, câu thứ bảy, bản *Ca-phở* (tờ 15 a) viết là « Bóng thiều-quang thấp-thoáng dưới Nam-sơn »; câu 11, *Ca-trừ* viết là « Lọ là hiên-tứ đỉnh-chung? » Trang 118, bài *Khiên sầu* câu thứ chín: « Gõ dịp lầy, đọc câu « tương tiến từu », ông Ngô Tất-Tổ chép thiếu chữ « lầy », v. v.

Bồ khuyết. — *Tri-tân*, số 93, trang 9, cột 2, in sót quyền Xuất thập tạp ký của cụ Lý-van-Phức, (sách nôm Bác-cổ số A B 132), trong có bài *Phụ-trám tiện-lãm* là bài ca dạy đàn bà trẻ con, bài *Tây-hải hành chu phú*, bài *Chu hồi trở phong thán*, v.v.

Trong *Tri-tân*, số 92, trang 8-9, tôi chép hiệu bà huyện Thanh-quan là Nhân-khanh, theo sách Bác-cổ, hiện đã dẫn chứng. Có người nói

hiệu Nhân-khanh là của một bà khác, thì xưa nay trùng danh trùng hiệu là thường không lấy gì làm lạ.

Về hai câu thơ của bà huyện Thanh-quan, tôi có nhận được một bức thư của cụ cử Mai-dăng-Đệ, tôi đăng sau đây và xin cảm ơn cụ lăm: « Khi tôi còn bé nghe thầy tôi đọc: « Bàu giốc giang sơn say chấp rượu; Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ ». Nay tôi tưởng như thế là đúng. Câu trên là theo ý câu: « Túy-ông chi chi bất tại từu, tại hồ sơn thủy chi gian » của ông Âu-dương Tu (4) Câu dưới, « Túi nghiêng phong nguyệt », tức là « phong nguyệt bán năng khinh », nghĩa là túi không có tiền... Đại ý hai câu là: bàu không còn rượu, vì non sông nên say; túi không có tiền, vì văn thơ hóa nặng... »

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TÔ

(1) Các sách khác đều nói Đạt là anh, Quát là em.

(2) Theo quyền Quốc-triều hương-khoa, thì ông Quát đỗ khoa tân mão năm 1831, ông Đạt đỗ khoa giáp-ngọ năm 1834 (xem *Tri-tân*, số 94, trang 8).

(3) Chỗ này cũng sai, các sách đều chép là Nông-cổng.

(4) Nghĩa là chi của người say không ở rượu, ở trong cảnh sơn-thủy.

Nhà in

TRI-TÂN

nhận in đủ các việc
in đẹp giá tính rất hạ.

Bác-sĩ YERSIN...

(Tiếp theo trang 3)

được. Thuốc trị dịch-hạch bắt đầu ra đời (1896).

Kết quả rất mỹ-mãn với loài thú, nhưng đối với loài người, thuốc « huyết thanh » ấy có hiệu nghiệm như vậy chăng?

Sau khi trở về Nha-trang đang tiếp tục bào-hế thử thuốc ấy, bác-sĩ Yersin đang tin cầu cứu từ Hương-cảng gửi đến. Ông mang theo thử thuốc mới tìm được và tiêm cho 23 người bị dịch-hạch: 21 người đang cứu sống còn hai người phải chết vì đã đến thời-kỳ nguy kịch. Nhờ sự thí nghiệm tình cờ và may mắn ấy mà bác-sĩ vui mừng thấy thuốc chế với « huyết thanh » ngựa có hiệu-nghiệm rõ ràng và toàn y-giới trên hoàn-vũ cũng sung-sướng công nhận như thế. Năm sau (1897), ông có dịp dùng thuốc ấy tại Bombay (Ấn-độ)

nữa và cũng cứu được nhiều mạng người.

Tìm thấy vi-trùng dịch-hạch, kiểm định thuốc trị bệnh này, biết rằng dịch-hạch của loài chuột và của loài người là cùng một bệnh, biết rằng bệnh này lan tràn ra được là bởi bộ chết cắn chuột chết rồi nhảy qua cắn người cũng chưa đủ điều-kiện để gọi là hoàn-toàn chiến thắng dịch-hạch đang.

Việc cần thiết nhất là phải có thuốc ngừa bệnh, ngăn-cản không cho nó truyền từ người này qua người khác.

Bác-sĩ Yersin cũng có quan tâm đến việc ấy vì đã dùng « huyết thanh » ngựa để trị bệnh dịch mà chích cho 500 người mạnh có chung sống với người bị dịch. Như ta đã biết, bệnh dịch lan-tràn rất dễ và rất dễ-dàng đến nỗi có chỗ mỗi ngày có hàng trăm, ngàn người phải thiệt mạng vì nó. Thế mà nhờ được chích ngừa bằng thuốc « huyết thanh » này, mấy người nói trên đều khỏi bị lây dẫu họ đã ăn chung ở chạ với người bị hạch. Bác-sĩ Simond cũng có dịp ngừa dịch hạch với « huyết thanh » này và cũng thừa nhận rằng nó là một món thuốc ngừa có công-hiệu thật.

Tuy vậy, thuốc « huyết thanh » chống nổi với vi-trùng hạch chỉ trong một thời-gian ngắn-ngủi, bảy tám ngày sau phải chích lại. Và chích đi chích lại mãi như thế không phải là không có hại cho cơ-thể. Cần phải kiếm một thứ thuốc vừa không làm hại cơ-thể vừa chỉ chích vài ba mũi là có thể ngừa được ít nữa cũng một năm như thuốc ngừa thiên thời, thương hàn..., mà chúng ta thường kêu là

vaccin. Trong thuốc này, người ta không dùng đến máu ngựa và thường lấy vi-trùng hay độc-tổ của vi-trùng rồi chế theo phương-pháp riêng mà chích cho người.

Bác-sĩ Yersin thấy trong mấy ống chai có « cấy » vi-trùng dịch-hạch đã lâu rồi có chỗ nổi u lên và chứa một thứ vi-trùng tuy giống vi-trùng ở xung-quanh nhưng yếu hơn, ông lấy vi-trùng ấy pha với nước muối rồi tiêm cho chuột; 90% chuột ấy được ngừa khỏi bệnh dịch. Đối với loài chuột thì vậy, còn đối với loài người thì sao? Mà không lẽ thí nghiệm trên mình kẻ khác! Không dấn-dã, không sợ-sệt, ông lấy dao nhỏ rạch da ông và xát vi-trùng ấy vào đang coi thử sức mạnh của nó đến đâu. Ngày sau đó, ông không bị hạch, chỉ thấy trong mình hơi hoải và nhiệt độ lên chút ít.

Rồi lần lần, với nhiều nhà bác học khác, ông gia tâm thí-nghiệm. Không bao lâu, thuốc ngừa dịch hạch ra chào đời, được thông dụng

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dẫu là người mạnh, người phôi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH:

Hà Nội: Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông

Huế: Hiệu sách Văn Hòa
29 Maréchal Pétain

Saigon: Nhà sách Nguyễn-
Khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh-Đàm.

HỒ BA BÈ

là một thắng-cảnh của
đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BÈ?

xin mời các bạn hãy thân
du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BÈ

ghi chép rất rành-mạch,
sửa lại rất kỹ-càng, in
đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-
ảnh, bìa hai màu.

in tại nhà in Tri-Tân
giá 2\$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông-pháp và
tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham
TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá
phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hà Nội.

và từ đó tới nay, cứu biết bao nhiêu người thoát khỏi tử thần...

Cái óc thông minh phi thường ấy có một trái tim rất nhơn từ, quảng-đại.

Ai biết ông đều ca tụng lòng bác ái, đức khiêm tốn của ông; nhưng độ không phải là chuyện lạ đối với một-lương-y tận tụy với nghề, một nhà bác-học chơn-chánh cang học lớn chừng nào càng thấy mình còn nhiều chỗ không thấu đáo. Người đã đi tới thăm ông thường nhắc-nhở rằng tuy đã nổi danh như thế mà ông trốn tránh sự giàu sang, ông ham sống một cuộc đời giản-dị giữa chồng sách báo, thường thường mặc đồ kaki, cưỡi xe máy (xe đạp) hay đi bộ như một người lao-động. Lòng nhơn-hậu của ông khiến ai cũng mến ông: ông luôn luôn giúp đỡ hoặc tiền-bạc, hoặc thuốc-men cho dân chài lưới ở gần đó, ông có để lại một số tiềnặng những người giúp việc công lâu năm lấy lời mà chi-dụng.

Ông không những mến người Việt-Nam, ông còn yêu cả tiếng nói của người Việt-Nam.

Khi đang tin ông mất, toàn cả Đông-dương tỏ lòng thương tiếc. Dân quê ở vùng Nha-trang tối phần phiên nhau canh-gác, túc-trực bên quan tài ông vì đối với họ, ông như là một người thân, một người cha, một ân-nhân, một bậc vĩ-nhân hiếm có.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

... Tình đời đen bạc! Trong vài mươi năm nữa, biết đâu bao nhiêu đức tính quý hóa ấy sẽ chẳng bị bụi trần chôn lấp dưới thời-gian! Nhưng, từ như sanh, ông không cần danh, ông không màng lợi. Luôn luôn ông sẽ là người chiến-sĩ đứng ở địa-cầu này giăng hai tay ngăn cản dịch-hạch và hô to: « Dịch-hạch, hãy trốn đi, ta là người đã chiến thắng mi và ta sẽ chiến thắng mi mãi mãi. »

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Ai chưa biết chữ nho?
Ai muốn học thêm chữ nho?

nên mua quyển

CHỮ NHO —
— HỌC LẤY

Cứ nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn

Giá 1\$00 — cước thường

0\$12 — đảm bảo 0\$32

không gửi lĩnh hóa

giao ngân — Đền cho:

hiệu Đông Á, 195,

hàng Bông HANOI

Các tiệm sách mua buôn

có hoa hồng hậu

Sách mới.

Tri-Tân nhận được:

1°) *Gốc-tích loài người* do giáo-sư Nguyễn Đức Quỳnh biên-khảo và Hàn-Thuyên xuất-bản.

Sách dày 200 trang, giá 1\$ 80. Trọn quyền chia làm 5 phần, nói từ lúc khai-thiên lập-địa, mới có vũ-trụ sau đến sự tiến-hoá của nhân loại. Thật là một cuốn sách có ích cho mọi người vậy.

2°) *Từ Hanoi đến hồ Ba Bể* (tập du-ký đã đăng ở Tri-Tân) của ông Nhật Nham Trịnh như Tấu. Tả cuộc hành-trình của ông đến hồ Ba Bể, phong-cảnh lịch-sử hồ ấy, cùng là nhân-tình, phong-tục công-cuộc mở mang thời xưa của những tỉnh như Tuyên-quang, Bắc-Kạn... mà ông đi qua. Sách dày hơn 100 trang, trong có nhiều tranh vẽ của họa sĩ Trịnh-Vân ngoài có bìa vẽ của họa-sĩ Trịnh Hữu Ngọc giá bán 2\$00 do nhà in Tri-Tân in.

Xin cảm ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu cùng các bạn mấy cuốn sách rất có ích mới ra.

T. T.

BUỔI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỦA CHI HỘI TRUYỀN-BÁ HỌC QUỐC NGỮ HAIPHONG

Ban Quản-trị năm 1943-1944

8 giờ tối hôm 28-4, tại hội-quán hội Trí-Tri Haiphong, chi H.T.B.H.Q.N. đã họp đại hội-đồng thường niên, bầu ban trị-sự mới như sau này:

Hội-Trưởng	Lê-Doãn-Mậu
Phó hội-trưởng	Nguyễn-Sơn-Hà và Trịnh-Đình-Cung
Tổng thư-ký	Nguyễn-Huy-Tướng
Phó thư-ký	Nguyễn-Văn-Tế và Trần-Văn-Nghĩa
Thủ-quý	Nguyễn-Hữu-Tảo
Phó thủ-quý	Nguyễn-Hữu-Tuyền và Phạm-Tai-Đoan
Giám-sát	An-Việt-Chấn và Nguyễn-Mậu-Trin
Cố-vấn	Nguyễn-Văn-Quang, Nguyễn-Văn-T
	Vũ-Trọng-Khánh và Nguyễn-Văn-Xuân
Cố-vấn dự khuyết	Bùi-Huy-Thục và Đặng-Đình-Quy
Ban giám-sát tài-chính có ba ông:	Trần-Đức-Hình, Nguyễn-Hồ và Hoàng
	Công-Lỗi.

T. M

Lớp thứ nhất

Cảnh I

Cảnh chùa Tiêu sơn về ban đêm
 Một nhà sư (thứ nhất)
 Một thiếu nữ
 Một tráng sĩ (thứ nhất)
 (Tráng sĩ đứng chân dưới đôi
 thấy trên chùa lấp lánh một nhà
 sư và một thiếu nữ).

Tráng sĩ

Một chít mưu thù một ngọn
 gươm,
 Khắp trời ngát tỏa ánh hương
 thơm.
 Nhưng mà sự nghiệp hương
 muốn thuở,
 Quyết trả xong thù nợ áo cơm.
 Ô lạ quá! trên đôi cao lấp lánh
 Bóng nhà sư với bóng một giai
 nhân.
 Bóng đã khuất... không còn trông
 thấp thoáng,
 Long ta sao rạo rực nổi băn khoăn?
 Ta phải quyết lần lên nghe ngóng
 thử,
 Xem có gì bí ẩn giữa am thanh?
 Hay tráng sĩ nợ duyên cùng tăng lữ?
 Hay Nát-bàn cần đến ngọn gươm
 linh?

Nhà sư

Giai nhân ơi!
 Tráng khuya đương lấp ló ở ven
 trời.
 Giờ ăn ái...Đêm buông màn dịu
 dịu,
 Giai nhân ơi! tắm thân mềm thướt
 tha và yêu điệu.

Thiếu nữ

Thằng hồ mang!

(Người thiếu nữ rút giao toan
 ném bóng phía sau một chú tiểu
 về lương nhẩy ra đỡ lấy; nhà sư
 cũng rút cây chùy đồng. Cả hai
 cùng đấu với thiếu nữ).

Nhà sư

Hãy khoan tay sao nữ thế ơi nàng!

Thiếu nữ

Mi phải biết
 Đây là giờ sống chết:
 Mi tưởng toan quyền rũ được ta
 sao?
 Ta vờ theo... cốt chờ lúc khai đao!

Nhà sư

Ồ, thiếu nữ!
 Xin đừng bỡn với bọn người tăng lữ;
 Tăng lữ này là tăng lữ gươm đao,
 Tăng lữ này là tăng lữ khát khao...
 Nàng nghĩ lại:
 Mà thực thế, đây là giờ sống chết:
 Một là nàng ưng thuận... để vui
 vậy sum kết,
 Hai là nàng gửi xác tại chùa đây,
 Ba là nàng sẽ bị giải đi ngay,
 Vì nàng chính là con một người
 nghịch phản?

Thiếu nữ (tức tối)

Ta là con quan thượng thư Đình
 Giản (Rồi thiếu nữ lại xông vào)

Nhà sư

Gươm thôi nàng...
 (Lúc ấy người tráng sĩ đã lần
 đến nơi bỗng nhẩy phóng vào hét
 lớn).

Tráng sĩ

Phường ác tăng.
 Dừng đứng lại.
 Hãy tiếp đón lưỡi gươm hùng
 khảng khái.

Nhà sư

Ngọn chùy đây địch nổi sức trâm
 gươm (Rồi sẵn đến gần tráng sĩ)

Tráng sĩ (giờ gươm đỡ)

À ra, người cũng võ nghệ cao
 cường
 Nhưng hãy gươm ta phân trần
 đôi lẽ:
 Cớ sao chỗ am thiền nơi quận
 quê,
 Người lại toan hãm hại một giai
 nhân?

Kịch dài bằng thơ

Phạm Chái

Viết theo «Tiêu-sơn tráng-sĩ» của Khái-Hưng

Số 2

PHAN-KHẮC-KHOAN

Nhà sư

Đừng giờ tuồng nghĩa liệp đề
 mong ân
 ân huệ ấy...

Thiếu nữ (xông vào).

Xin giả ngay tức khắc.

Tráng sĩ (Ra hiệu cho thiếu nữ
 ngừng lại chỉ về phía chú tiểu)
 — Nàng hãy để một mình thanh
 kiếm sắc.

(Rồi chàng xô vào nhà sư đánh
 văng cây chùy đồng trong lúc ấy
 thiếu nữ cũng vừa đâm ngã chú
 tiểu, tráng sĩ chỉ gươm vào mặt
 nhà sư).

Tráng sĩ

Ác tăng kia, phục xuống dưới
 chân ta
 Gươm thiêng đây đương khát huyết
 đưa hung tã,
 Nhưng đại nghĩa, chỉ vì chùng đại
 nghĩa.
 Ta muốn đề người phân trần mọi
 lẽ...

Nhà sư

Bần tăng đây...

Tráng sĩ

Người hãy nói mau lên!

Nhà sư

Vì vâng theo mệnh của bề trên
 đi do thám bắt được tên nữ tặc...
 Của triều đình đã bao lâu ăn nặc

Thiếu nữ

Tên cường gian! Mi muốn mau
 lên cỡi Nát bàn?

(Rồi ngoảnh về phía tráng sĩ) Xin
 mạn phép...

Tráng sĩ

Nàng hãy cho thông thả
 Thoát sao được theo lưới trời nhân
 quả
 (Với nhà sư)
 À mà người vừa khai trước lưới
 gươm linh
 Giai nhân đây là nữ tặc của triều
 đình?

Nhà sư

Vàng con... của thượng thư
 Đình Giản

Tráng sĩ (nói một mình)

Nguyễn tướng công!

Nhà sư

Phường nghịch phản

Tráng sĩ

Thôi im ngay
 Gươm thiêng ơi, trước mặt quý
 nương đây,
 Xin hùng dũng tuốt cao lên vì đại
 nghĩa.

Nhà sư

Muôn lạy người, nam mô...
 Tráng sĩ
 Ồ khéo bịa.

Nhà sư (chỉ thiếu nữ)

Xin nhường trao giải thưởng của
 triều đình
 Thôi, cao nhân ơi, người cứu lấy
 một sinh linh...

Tráng sĩ

Nhưng, với sinh linh ấy, sinh
 linh thêm hồ nhục,

Giả tu hành để làm điều phản
 phúc.
 Người biết chưa, người phạm tội
 đến hai lần:
 Tội dâm-bôn, hiểu sắc, tội gian
 thần,
 Mà đây: một tráng sĩ nam nhi,
 một nữ lưu can quốc,
 Với hai tội, này đây hai kiếm sắc
 Ác tăng kia, mi phạm tội đến hai
 lần,
 Gươm trung này và kiếm của giai
 nhân
 Hai ngọn sắc đưa người về cực lạc
 Vì đại nghĩa trừ tà dâm loạn ác!

Nhà sư

Người rủ thương...

Tráng sĩ

Quý nương hãy khai đao

Thiếu nữ

Thiếp xin vâng lĩnh ý khách
 anh hào
 (Thiếu nữ chém nhà sư)

Tráng sĩ

Thêm nhát nữa cho linh hồn
 chóng thoát
 Về cực lạc Nát bàn xa bát ngát...
 (Tráng sĩ lại chém tiếp)

Thiếu nữ

Tráng sĩ ơi, thiếp xin đợi ơn
 chàng,

Tráng sĩ

Quý nương sao người khá vội
 vàng,
 Nếu quả thực chính nàng là lệnh ái
 Nguyễn tướng công, người đã toan
 quá ải
 Khi nhà vua lánh nạn trốn sang
 Tàu.

Thiếu nữ

Tôi chỉ là một thôn nữ, không.
 không đâu,
 Thưa — tôi chỉ là một người
 thôn nữ

Được vào đây vì một tên tăng lữ,
 Thôi xin chào người và chẳng dám
 quên ơn...
 (Lại bước đi)

Tráng sĩ

Quý nương ơi, sao nàng nổ dẫu
 nguồn cơn
 Vàng chính thực nàng là lệnh ái
 Nguyễn tướng công...

Thiếu nữ

Không, không phải!
 Tráng sĩ
 Tôi dám xin tuốt thẳng, ngọn
 gươm linh

Thề với vầng nhật nguyệt với trời
 xanh

Gin giữ kín. Tôi phải đầu thám tử!
 Tôi, tráng sĩ đang mong ngày đại
 cử...

Cũng như nàng mang một mối
 thù chung

Thiếu nữ

Nhưng hỡi người tráng sĩ
 khách anh hùng,
 Cần hỏi chi kỹ càng danh với tính
 Người thiếu nữ trên đường đời
 vô định.

Tráng sĩ

Nhưng tôi muốn cùng trả mối
 thù kia:

Đã một hồn khôn nổi dựng nên
 bia,
 Bia sự nghiệp, bia ghi ngày hận
 diệt.

Thiếu nữ

Ồi vinh quang — nhưng cùng
 người xin kính biệt

Tráng sĩ

Song thù chung nàng nổ vô
 vàng gì

Thiếu nữ

Chính vì thù chung nên tôi
 vội vàng

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

Sử học luận đàn**NÙNG TRÍ CAO**

vị anh-hùng độc-nhất của Rừng thiêng

SÔNG RĂNG

TRÁI qua bốn nghìn năm lịch-sử, nước Việt nam chẳng những có những thiếu-niên anh dũng như Phù-dồng Thiên-vương, Đinh bộ Lĩnh, những liệt nữ như Trưng Chắc, Trưng Nhị, có hồi vẻ vang như Lý thường Kiệt tràn sang đánh Tống. Trần quốc Tuấn chống lại Nguyên, Lê Thái Tổ đánh Minh, Nguyễn Quang Trung đại phá Tôn sĩ/Nghị, mà cách đây mười thế-kỷ — vào khoảng 1038-1070 — lại có Nùng trí Cao với một bản-ngã phi-thường cũng muốn thôn-đoạt Lương Quảng (Quảng đông, Quảng tây) vào bản-đồ nước Việt Nam. Cả một hồi oanh-liệt ấy vùn-vụt qua rồi, nhưng sức mạnh đánh dấu non sông linh-tú này bằng những giòng máu đỏ đầy vinh-dự vẫn còn mãi mãi. Cho nên, dù không đạt được ý-nguyện, Nùng trí Cao vẫn xứng đáng với những trang sử tốt đẹp nhà cầm bút dành riêng cho những bậc liệt nữ, anh hùng. Thuật lại những thành-tích vẻ vang Cao đã gây nên, mục đích chúng tôi chỉ muốn « rọi » một vài tia sáng vào đời Cao để các bạn có một ý-niệm về vị anh-hùng độc-nhất của rừng thiêng — vị anh-hùng mà chẳng vô-tình hay hữu ý những nhà sử đã « gán » cho các danh-là « Ngụy Nùng » tụy Cao với nhiều kỳ-công oanh-liệt vẫn đề chúng ta kính phục.

Nùng-trí-Cao là con thứ tù-trưởng

Đảng Ro (Cao bằng) Nùng Tôn Phúc. Cao ra đời thì nhà Lý (1010-1225) đã làm chủ giang sơn Đại cồ Việt ngót 20 năm. Tuy vậy, trong dân-gian lòng trung-trực với nhà Tiền Lê (980-1009) vẫn chưa mất hẳn. Bách-linh vẫn ghi nhớ công-đức vua Lê đại Hành (980-1005) nhất là chiến-công rực rỡ ngài đại phá lực quân Tống do Hầu nhân Bảo, Tôn toàn Hưng ở Chi-lăng, và thủy quân do Lưu Trừng đứng đầu tại Bạch đằng giang hồi tháng ba năm tân-tị (981). Vì lý-do ấy nên khắp trong nước, nhiều người mượn cơ phù Lê nổi lên làm loạn. Các hoàng-tử cho chỉ vua Lý Thái Tông (1028-1054) thường phải thân chinh đi đánh đông, dẹp bắc luôn. Bận-rộn việc binh-bị, nhà vua không đặt quan tiết-trấn. Công việc ở các châu thường giao cho châu-mục, còn ở Thượng du thì do các tù-trưởng quản-linh. Quyền hạn những vị sau này rất to, nên những vụ mưu phản xảy ra luôn.

Năm mậu dần (1038), mượn cơ trung-hung lại nhà Tiền Lê, tù-trưởng Đảng Ro Nùng Tôn Phúc dựng nghĩa-kỳ, hưng binh tự Cao-bằng về đánh Thăng long. Phúc tự xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, lập A Nùng làm Ninh đức hoàng hậu, đặt quốc hiệu là Trường Sinh. Sau 6 tháng nếm miếng đỉnh-chung, tháng quý xuân năm kỷ mao (1039) Phúc và con cả là Nùng trí Thông trúng kế của Lý Thái Tông đều bị

chết thảm và bị bêu đầu tại Thăng long. Nước Tràng Sinh tiêu-diệt. Và, khắp Đảng Ro đâu đâu cũng rải-rác lời bá-cáo của Lý Thái Tông: « Trẫm từ khi làm chủ giang sơn Đại cồ Việt đến giờ, các bầy-tôi văn vũ chưa từng sơ-suất; phương xa, cõi lạ ai nấy đều giữ phận làm tôi mà những người Nùng đời đời truyền giữ bờ cõi thường năm năm về cống-hiến. Nay có Nùng tôn Phúc can-rỡ, tự làm lớn, trộm xưng hiệu, ra mệnh lệnh, lại hội hè dân ong, nặng làm hại dân-cư ven cõi. Trẫm vâng mệnh trời, thân chinh đi đánh bắt được bọn Tôn Phúc 5 người đều chém bêu đầu ngoài kẻ chợ ».

Tuy thế, nhưng chỉ báo thù ở thời-dại cá-nhân được toàn-quyền tự-xử thường nung-nấu trong óc người xưa một cách nhẫn-nại mà khốc-liệt. Vì thế nên 3 năm sau, (1041, Tân tị) niên-hiệu Càn Phù hữu đạo thứ ba đời Lý Thái Tông, Nùng trí Cao lại cùng mẹ là A Nùng tự Thất tuyên (tức là phủ lý Thất Khê, tỉnh Lạng sơn xứ Bắc-kỳ) về Đảng Ro thu-phục tổ nghiệp đặt ra Đại lịch quốc. Tin ấy đến Thăng long. Thái Tông sai Võ vệ Tướng quân Lê Phụng Hiểu đề binh lên Cao bằng. Thất cơ, Cao bị bắt rồi bị giải về kinh. Nhưng, đặt mối lợi chung lên trên tất cả mọi sự, Lý Thái Tông tha tội cho Cao. Là vì, nếu những năm sống hiến nhà vua toàn những ưu-tu thì mối u-hoài về lịch-sử còn công-

nhiên khiến ngài già hơn tuổi. Đã lâu, Ngài có ý muốn đoạt lại Lương Quảng (mà nước Nam bị nước Tàu chiếm từ cuối đời triệu, 207-411 trước T. L.) nếu Ngài có sẵn tướng tài. Đánh Lào, bình Chiêm nhờ sức ba hồ tướng Lý Thường-Kiệt, Lý nhân Nghĩa, Lê phụng Hiều, Nam quân đã ca khúc khải-hoàn. Nhưng thực hành nổi việc vĩ đại kể trên, Ngài rất cần một người hiền rõ-rệt địa thế đồn lũy và cách dụng binh của Tống quân. Công việc ấy ngoài Nùng trí Cao ra không ai đáng đáng nổi. Sinh-trưởng tại biên-thùy, Cao thực đáng để đáng chí-tôn tin cậy. Cho nên từ địa-vị một ông hoàng vong-quốc, Nùng trí Cao công-nhiên được Lý Thái Tông phong làm Quảng-uyên mục. Hơn thế nhà - vua còn đứng chủ-hôn cho Cao kết-duyên cùng Tạ vận Anh, con gái đô-thống Tạ đình Hồ. Nhưng, Cao là người đầy nghị-lực nên bả vinh-hoa ấy không sao chi-phối nổi Cao, một vị anh-hùng lúc nào cũng sẵn sàng rất nhiều kế-hoạch nhiệm - mầu để định-đoạt số mệnh cả một giống-nòi. Thất cơ phải tòng-quyền, Nùng trí Cao buộc lòng nhận quan-chức nhà Lý. Và, để tỏ tấm lòng trung đối với quân-vương, Cao đã ra đến Đồng cồ (làng Yên thái Hà-nội), thề hết lòng khuông-phù Lý triều. Nấn-ná tại kinh-đô Thăng long giòng già sáu năm, Cao đánh Lào, bình Chiêm, gây được nhiều chiến-công oanh-liệt. Nhưng chẳng bao giờ ông « Hoàng vong quốc » ấy quên-khuấy mối thù không đội trời chung. Cuối năm mậu tí (1040) được Lý Thái Tông ủy đi dẹp giặc ở Bình-gia (Lạng sơn) khi ca khúc khải-hoàn đáng lẽ lộn về Thăng long thì Cao kéo quân lên

Đảng Ro. Tại đấy, những bộ-hạ cũ của tù-trưởng Nùng tồn Phúc là Hoàng sự Mật, Đoàn Hồng. Nguyễn dư Khương, Đinh ứng Long sẵn sàng chờ đợi đề Nùng trí Cao lên ngôi tôn. Hồ về rừng. Lực-lượng Cao đã mạnh-mẽ lại càng thêm mạnh-mẽ. Chẳng kiêng nề gì nữa, Cao tự đặt mình làm quốc-trưởng nước Đại Nam, tiếm hiệu là Nhân huệ hoàng đế. Thái-ủy Quách Thịnh Rật được lệnh Lý Thái Tông đề binh lên Thất tuyên song bị tướng Đinh ứng Long đánh bại. Thanh-thế Cao lan sang tận Yên kinh (Tầu). Rồi, nhân khi nguyên-soái Địch Thanh và bốn tướng Thạch Ngọc, Lưu Khán, Trương Trung, Lý Nghĩa bàn việc chinh-phục nước Tây Liêu, Nùng trí Cao nhờ có pháp sư là Quì đầu-dã giúp sức, đem binh tràn sang Ung - châu (Trung hoa) Rồi tiếm dật chiếm cả tám châu: Hoành, Quý, Cung, Tầm, Đảng, Ngò, Khang, Đoàn thuộc tỉnh Quảng tây.

Được tin cấp-báo, Tống-Nhân-Tông không ngờ nước mà họ thường coi là man lại sản-xuất ra 1 nhân-vật có những hành-vi kinh-thiên, động-địa, liền sai 2 hồ-oai tướng quân Dư Tĩnh và Tồn-Miến đề binh xuống miền Nam. Thủ hiềm, Nùng-tri-Cao hạ địch quân một trận tan-tành. Thanh-chế Cao đã lớn càng lớn thêm. Thăng trận nhưng đem số quân ra so-sánh thì binh Tống bấy giờ đông gấp trăm quân Nùng. Vẫn biết cách điều-khiển quân độ đều ở tài thao-lực của viên tướng giỏi không cốt ở quân ít nhiều nhưng, muốn quân lính được yên tĩnh nghỉ-ngơi đề rồi lại hết sức phấn-dấu mà chiếm thêm những thành-tích lấy-lừng nữa, nên Nhân-Huệ Hoàng-đế dăng sứ xin

vua Tống cho lĩnh chức Tiết độ sứ châu Ung và châu Quý. Tống-Nhân-Tông toan ưng lời. Song nguyên soái Địch-Thanh cho rằng Tống triều sẽ mất cả thê-diện nếu không chế nổi Cao; bèn tình-nguyện đề binh đi tiêu diệt Nùng. Hợp quân cùng Dư-Tĩnh và Tồn-Miến, Địch-Thanh đóng quân ở Tân-châu, cấm các tướng động binh. Trần-Thự — kiềm-hạt Quảng tây — trái tướng lệnh liền bị giết.

Bấy giờ Nùng quân chiếm Côn-luân quan, tướng địch quân yếu thế chẳng phòng bị gì. Gặp ngày thượng-nguyên, Địch-Thanh sai quân đốt đèn, thắp đuốc huy hoàng rồi đặt tiệc khao thưởng các tướng tá cùng các hàng quan-lại. Tiệc đang vui, Thanh cáo bệnh đứng dậy lui vào sai Tiều đình Quý tam làm chủ tiệc và thỉnh-thoảng lại sai ngời ra mời mọc và xin lỗi khách-khứa. Sáng hôm sau, lúc quan khách còn chưa giải-tán thì bỗng có tin báo hồi trống canh ba đêm trước Địch Thanh đã đánh chiếm được Côn luân quan.

(Còn nữa)

SÔNG BẮNG

Đã bán quyền 2 :

NHÀ VĂN

HIỀN ĐẠI

của VŨ-NGỌC-PHAN

Có 14 bức ảnh các nhà văn độc lập :

a) Biên-khảo — b) Tiểu thuyết — c) Thi ca

Sách 300 trang giá 2 \$ 50

Loại đặc-biệt đồ lụa : 10 \$ 00

Mua sách trả tiền trước, mỗi quyền thêm 0 \$ 50 cước, gửi ở Tân Dân, 93 Hàng Bông Hanoi

Bia Văn miếu

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 53

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

BIA số bảy, còn dựng ở sân Văn-miếu Hà-nội, đề tên các ông tiến-sĩ khoa tân-sử, năm Hồng-đức thứ 12 (tức năm 1481) (*Hồng-đức thập-nhi niên tân-sử khoa tiến-sĩ đề danh ký*). Bài văn bia ấy dịch ra sau đây :

« Năm tân-sử hiệu Hồng-đức, kể từ nhà Lê mở nước (năm 1428) là năm thứ 54, kể từ Hoàng-thượng (Lê Thánh-tôn) trung-hưng (năm 1460) là năm thứ 22. Kỳ đại-tý mở khoa thi, (đại-tý tức là thi hương, thi hương, xong rồi thi hội). đến đây là 11 lần. Những người ứng cử khoa này đến nộp quyền quan Bộ Lễ (Xuân-quan) có đến hơn hai nghìn, lấy người hợp cách đề tiến lên đại-dinh, chỉ có một phần trong 30 phần : lựa lọc như thế là rất kỹ. Ngày hôm đình-thi, quan hữu-tý đến đông đủ : mỗi người coi một việc.

« Vua ngự chính-diện, ban cho đầu bài. Ngày hôm sau vua tới ngự-lâm, rồi định thứ bậc, cho Phạm-đôn-Lễ đỡ đầu, Lưu-hưng-Hiếu thứ hai, Nguyễn-doãn-Địch thứ ba : ba người ấy cho đỡ tiến-sĩ cập-đệ ; còn thi cho đỡ tiến-sĩ xuất-thân và đồng tiến-sĩ xuất-thân, ân vinh lần lượt, theo đủ như phép thường : ngoài lệ sung vào Hàn-lâm, được đặc-ân gia nhất cấp (một bậc). Rồi sắc quan Bộ Công (Đông-quan) chạm đá khắc ở nhà Quốc-tử-giám, sai thần Xung-Xác làm bài ký này.

« Thần chấp tay cúi đầu dâng lễ nói rằng : (Kinh thi có câu) : « Dự-mao tư-sĩ », nghĩa là kẻ sĩ hiền có tiếng tốt, ý nói vua Văn-

vương có lòng săn-sóc. Lại có câu : « Hà bất tác nhân ? », nghĩa là Sao chẳng dạy người ? ý nói vua Văn-vương có đức hòa-vui. Đức Hoàng-thượng cồ-vũ nhân-tài, việc văn-trị nhiều như lông nhím, có lòng nhân như thơ *Vực-bốc*, có đức-hóa như thơ *Thanh-nga*, thế là hoàng-thượng đối với vua Văn-vương, tuy thời-đại khác nhau mà công-đức giống nhau. Người học-trò sinh ở đời này, gặp được bậc Thánh-minh, tiếng văn-học vang lừng trong nước, ơn mưa móc thấm nhuần đức hóa đời thịnh. Nhân hội phong-vân, trông ánh sáng mặt trời mặt giăng lên đường vinh tiến, vào lối anh-hùng, khắc tên vào đá tốt, đề lại lâu xa, há chẳng vinh-hạnh lắm ru ?

« Tuy vậy, danh là bề ngoài của sự thực, tốt là đối với xấu ; có danh có thực, chẳng tốt hay sao ? Có danh không thực, chẳng xấu hay sao ? Người được khắc tên lên bia đá này, vẫn đành là lấy hạnh nghĩa tự sửa mình, đem văn-học tự khuyến-khích, để làm chân-trạng-nguyên, làm danh tiến-sĩ, trên không phụ triều-dinh kén chọn, dưới không phụ sự học binh-sinh, không nên như Công-tôn (1) là người khúc-học theo đời (2), Hoan-lang (3) lấy phép mới lừa người, vì hai người ấy chỉ làm lụy cho khoa-mục đó thôi.

« Vả lại phiến đá này dựng ở nhà Đại-học, cốt để những người làm quan (tân-thân), những bọn học trò (chương-dịch), mắt nhìn vào, miệng đọc đến, trông mong ngấm-nghĩ, hăm-mộ ước-ao, để làm cái nhíp kích-lệ lòng người :

cái ý tốt chuộng văn của đời thịnh, đối với cội gốc việc trị nước và phong-tục giáo-hóa quan-hệ lắm thay !

« Thần dám đầu vi ngu-lậu mà từ chối. Vậy kính-cần làm bài ký này.

« Hiền-cung đại-phu Hàn-lâm-viện thị-thư kiêm Tú-lâm cục tư-huấn, thần Nguyễn Xung-Xác phụng sắc soạn. — Mậu-lâm tá-lang trung-thư-giám điền-thư, thần Phan-Trung phụng-sắc thư. — Mậu-lâm lang Kim quang môn đãi-chiếu, thần Tô-Ngại phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày rằm tháng tám năm Hồng-đức thứ mười lăm (1484).» (Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Công-tôn tức Công-tôn-Hoảng, lúc nhỏ nhà nghèo, chăn lợn ở trên bãi hồ ; ngoài 40 tuổi, mới học Xuân-thu tập-thuyết ; đến đời Hán Vũ-đế (140-88 trước Thiên-chúa) thi hiền-lương vào đối sách đồ thư nhất, bổ chức bác-sĩ. Công-tôn-Hoảng là người học rộng nghe nhiều, tập làm từ-hàn, thêm văn-chương. Mỗi khi bàn-bạc trong triều, bày tỏ nguồn gốc, đề vua tự chọn không bắt-bẻ trước mặt : vua bằng lòng lắm, năm Nguyên-sóc, cho làm thừa-tướng, phong Bình-tân hầu, Hoàng mở đông-các đề với người hiền, được bổng-lộc đều cấp cho tân-khách, mà mình thì ăn gạo xấu mặc áo vải : vua càng khen. Nhưng ngoài mặt khoan-dung, mà trong lòng thâm-hiềm hễ ai có hiềm-khích, tuy giả cách thân-thiện, mà báo ngấm. Cấp âm từng chèn Công-tôn-Hoảng là đối-dã, mà Vũ-đế vẫn không biết (chép trong Từ-nguyên, quyền tự trang 282).

2) Đời Hán, Viên-Cổ và Công-tôn-Hoảng cùng được vua vời. Trong bài chiếu của vua có câu : « Công-tôn-tử vụ chính học-đề ngôn, vô khúc-học dĩ a-thế », ý nói Công-tôn-tử chăm vào chấp-học đề bàn luận việc nước, không nên khúc-học đề theo đời nghĩa là không nên có cái học-vấn tả-khúc đề a-dua thế-tục.

3) Vương Kinh-công (tức Vương-gau-Thạch làm tướng đời Tống Thần-tôn (khoảng năm 1068-1078), phong tước Kinh-quốc-công, mưu cải-cách chính-trị gọi là « tân-pháp » (phép mới) dư-luận bấy giờ sôi-nổi. « Kiến-văn » lục chép « khi Vương Kinh-công mới sinh ra, có con-heo rừng « hoan » vào trong nhà, một chốc mắt không thấy, cho nên tiền-tự của Kinh-công là hoan-lang » « chép theo từ-nguyên ».

NỘI-DUNG BỘ LỊCH TRIỀU HIÊN-CHƯƠNG

HOA-BẢNG

NHƯ trong hai số Tri-Tân (55 và 69) đã nói, *Lịch triều hiên chương* của Phan Huy-Chú là một bộ sách rất có giá-trị về văn-học và sử-học. Sách gồm 49 quyển, chia làm 10 loại-chí. Từ *Dư-địa chí* đến *Bang giao chí*, tác-giả ghi chép đều có phương-pháp. Nay theo thứ-tự trong sách mà phân-giải từng loại-chí như sau :

I. — Dư-địa chí (quyển I — V)

Cương-giới các đời (quyển I).

Phong-thổ các đạo (Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam : quyển II).

Phong-thổ các đạo (Kinh-bắc, Sơn-tây, Hải-dương, Quảng-yên : quyển III).

Phong-thổ các đạo (Hưng-hóa, Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-sơn : quyển IV).

Phong-thổ các đạo (Thuận-hóa, Quảng-nam, Phú-yên, Bình-khang, Diên-khánh, Bình-thuận, Gia-dịnh, Hà-tiên, Định-tường : quyển V).

Loại *Dư-địa chí* trong năm quyển trên đây, tác-giả chép từ đời Hùng-vương lập quốc chia nước làm 15 bộ, trải cuộc Bắc-thuộc Hán, Đường, xếp đặt phân chia mỗi lúc một khác. Rồi từ đời Đinh, Lê, Lý độc-lập trở đi, hoặc noi theo, hoặc đổi khác, tác-giả kê-cứu các sách cũ và các liệt-truyện, rộng nhặt tài-liệu mà ghi-chép. Trước hết nói về phong-cương, rồi đến sự phân-chia các thừa-tuyên. Có nêu ra hai mục :

« *lịch đại cương-giới chi thù* » (sự khác nhau về bờ cõi của các đời) và « *chư đạo phong-thổ chi biệt* » (sự phân-biệt về phong-thổ của các đạo) khiến cho độc-giả chỉ mở sách ra xem mà biết rõ được xưa nay xếp đặt ra sao và sự-tích ở các nơi xa gần thế nào.

Chỗ nào muốn tỏ ý-kiến dị đồng với sử cũ sách xưa, ở loại-chí này cũng như ở các loại-chí khác, tác-giả có lời *án* ở dưới.

II. — Nhân-vật chí (quyển VI — XII)

Trong loại *Nhân-vật chí* này lại chia :

Thống-truyền của các đế vương (quyển VI).

Bắt đầu chép từ Kinh-dương vương (2879 trước Tây-lịch) đến Lê Chiêu-thống (1787-1789).

Mục « *Trịnh vương thế-hệ* », tác-giả kể từ Thế-tổ Ninh-khang đại vương Trịnh-Kiểm (1539-1569) đến Yến-đô vương Trịnh-Bồng (1786-1787).

Phụ sau đây là sự-tích nhà Mạc : kể từ Mạc Đăng Dung (1527-1529) đến Mạc Mậu-Hợp (1562-1592).

Phương-tiện để chép loại-chí này, tác-giả có thanh-minh ở cuối mục « *Đế vương chi thống* » rằng : « *Án* : Quốc-thống nước Việt ta, từ vua Đinh Tiên-hoàng dẹp yên các sứ-quân, lên ngôi báu, rồi mọi triều-đại nối nhau, làm vua xưng hùng dưới trời Nam. Chính-thống của nước bấy giờ mới định.

« *Lê, Lý, Trần, Lê, về mặt hưởng*

quốc-tộ, đều có dài ngắn khác nhau, nhưng lúc ban đầu được nước, hoặc do trao nhường, hoặc do tranh-giành, rồi lại huy-hiệu vẫn đều đáng chép cả. Duy có họ Hồ cướp nhà Trần, họ Mạc cướp nhà Lê, tỏ ra bội nghịch một thời, đều không được kể là chính-thống. Nhưng việc làm của họ cũng có chỗ không thể vùi-dập được ; cho nên đều chép phụ vào trong đó.

« Đến như Trịnh-vương đời ủng hộ Lê-hoàng, chuyên giữ quyền chính, thì thế-hệ họ Trịnh cũng nên chép đủ cả. »

Còn cái cơ tại sao tác-giả không chép các chúa Nguyễn, là vì : Các chúa Nguyễn cai-trị ở Nam-hà (từ phía nam sông Gianh (Linh-giang) trở vào trong) trải 200 năm, công nghiệp thế nào đã có Quốc-sử và Thực-lục chép đủ, nên tác-giả không dám vượt quyền mà chép nữa.

Những bậc phù-lá có công-lao và hiên đức (quyển VII) :

Đời Lý 4 người ;

Đời Trần 10 người ;

Lê-sơ 18 người ;

Đời Mạc 1 người

Tiếp theo mục trên (quyển VIII) chuyên chép về những danh thần đời Lê Trung-hưng, cộng 39 người

Những ông tướng có tài cá và danh-tiếng (quyển IX).

Đời Lý 2 người ;

Đời Trần 4 người ;

Đời Lê 10 người.

(Xem tiếp trang 20)

NGUYỄN-TRIỀU TRUNG-HUNG CÔNG-THẦN
TRUNG QUÂN

NGUYỄN VĂN TRƯỞNG
(1740 — 1810)

Số 1

NGUYỄN TRIỆU



NGUYỄN văn-Trưởng (1) là người huyện Lễ - dương, tỉnh Quảng - nam. Khi còn nhỏ, nhà nghèo, phải đi ở chạn trâu cho người ta. Trưởng thương chơi đùa với những trẻ mục-đồng : chia làm quân ngũ, tự xưng làm đại-tướng, rồi chia ra làm hai đảng đánh nhau để chơi. Đến khi khôn lớn mới dời vào ở trong đất Gia-định.

Khi quân Tây-sơn vào đất Đồng-nai, Trưởng theo Tây-sơn, được làm đến chức Chưởng-cơ.

Sau trận đánh ở Long-xuyên, quân nhà Nguyễn thất-lợi. Trưởng đem quân đuổi chúa Nguyễn-Ánh, đến khi đã gần đuổi kịp thì trời đương quang, mây đương tanh bỗng có một cây lớn gãy đổ, chặn ngang đường, lấp mất cả lối đi. Trưởng thấy vậy, lấy làm kinh-ngạc vô cùng, biết chắc rằng Ngài là chân-chúa, nên mới lui ra như vậy, bèn dẫn quân rút lui mà không đuổi nữa. Từ đó Trưởng đã có lòng muốn quy-phục theo chúa Nguyễn.

Nam Định-vị (1787), Trưởng giữ đất Long-xuyên. Chúa Nguyễn-Ánh ở Vọng-các về, sai cai cơ là Nguyễn Văn-Mẫn về trước để báo tin và dụ Trưởng. Trưởng bèn sai thuộc-tướng là Nguyễn văn-Điềm đem binh-thuyền ra cả ở cù-láo phủ-quốc đón chúa Nguyễn về đầu hàng và xin Ngài đem quân về

Long - xuyên để chờ kế tiến - thủ.

Khi chúa Nguyễn-Ánh về tới nơi, Trưởng đem ra hơn 300 quân và 15 chiếc chiến-thuyền dàn ở hai bên sông để bài-yết.

Ngài lấy làm mừng lắm, cho Trưởng làm Khâm-sai Chưởng-cơ quản đạo tiên-phong Trung-quân thủy - dinh và bốn thuộc tướng Trưởng là Hoàng văn Diễm cũng được phong chức.

Trưởng bèn đem quân-tự Long-xuyên tiến binh lên đánh đồn Trà-ôn, phá tan được tướng của Tây-sơn là Chưởng-cơ Tri đóng ở Mỹ-lung để chống với quân nhà Nguyễn.

Đến năm Mậu - thân (1788), Nguyễn-vương tiến binh đến Hồi-oa (2) Nguyễn-vương sai Trưởng cùng với Tô văn-Đoài giữ Hữu-trại, Hoàng văn-Khánh và Tống phúc-

Ngoan giữ tả-trại đối-diện với lũy của quân Tây-sơn, đánh nhau kịch-liệt mấy ngày, quân địch phải bỏ chạy. Vua Nguyễn thừa thắng tiến đánh lấy thành Sài-Côn và rồi lại sai Trương án-thủ đất Mỹ-tho để tiếp ứng với bộ binh ở Trấn-dịnh.

Thái-bảo Tây-sơn là Phạm-văn-Tham phải bỏ thành mà chạy.

Sau khi khắc phục được thành Gia-định, vua Nguyễn lại sai Trưởng đi tuần tiễu các cửa bể để chặn đường không cho quân Tây-sơn lui chạy về Qui-nhơn được. Tham phải chạy về Cần-giờ thì lại bị quân chúa Nguyễn đánh phá. Tham liền chạy về Hàm-luong (3) cứ hiềm để chống lại.

Năm Kỷ-dậu (1789), Nguyễn văn-Trưởng lĩnh chức quản Tiên-phong thủy quân cùng với Hậu quân Tôn-thất-Hội, Võ-Tánh và Tiền quân Lê văn-Quân hợp lực đánh Thái bảo Tây-sơn là Phạm văn Tham. Sau Tham thế cùng, kiệt lực, phải đến cửa quân bên Nguyễn xin hàng.

Tháng 3 năm nhâm-tý (Mars 1792), vua Nguyễn duyệt thủy quân ở cửa Cần-giờ, Trưởng đi hộ-giá.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỀN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 x 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ 5\$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10% cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20% cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành { 16, Phố Lê Lợi HANOI
51, Doumer HAIPHONG

Nhân có gió mùa thuận, Ngài bèn kéo cả thủy-quân ra cửa Thi-nại. Thừa lúc quân địch không phòng bị, Ngài sai Trương quân đốc « Long-thuyền » và Thành quân đốc « Phượng thuyền » tiến vào trước (4); còn quan quân đi tiếp theo sau.

Thấy quân nhà Nguyễn thịnh-linh kéo đến, quân Tây-sơn hoảng hốt bỏ chạy. Quân nhà Nguyễn phóng hoả đốt hết thủy-trại của Tây-sơn, thu lấy một ít chiến-thuyền, rồi kéo quân về Gia-dịnh.

Tháng 3 năm quý-sử (Avril 1793), Nguyễn văn - Trương theo vua Nguyễn ra đánh Qui-nhơn. Vua đốc cái chiến thuyền vào cửa bể An-dự; còn Trương thì cùng với Nguyễn văn - Nhân, Nguyễn - đức - Thiện chia quân, làm 3 đạo đánh đốt phá được binh thuyền của Tây-sơn rất nhiều. Vì Trương giỏi về thủy chiến, đánh đâu tan đấy, nên quân Tây-sơn đã phải bảo nhau rằng:

« Nguyễn-văn-Thành chỉ có mưu trí nhưng chậm chạp, Nguyễn-văn-Trương thì vừa khỏe, lại vừa mau trí khôn... »

Tháng tư năm đinh-tị (Avril 1797), Nguyễn-vương lại thân-chinh ra đánh Quy-nhơn, Trương phụng-mệnh điều-bát 5 thủy-dinh làm thủy-dạo tiên-phong đánh đuổi được đô-dốc Tây-sơn tên là Thiêm

Thống chế Pétain đã nói :

Hỡi quốc dân thân yêu, nếu các người không tuân mệnh Bản chức, uốn mình theo kỷ luật, thì chính các người xô đầy nước nhà vào hiểm địa.

ở Tiên-châu, rồi theo hộ giá tiến đến cửa Đà-nẵng, lại phá luôn được trận-thể của quân địch ở gò Phú-gia.

Đến năm canh-thân (1800), Trương lại theo hộ giá đến Cù-mông. Nghe Tây-sơn có hơn 150 chiến thuyền đậu ở cửa bể Đề-di, Trương lập tức đem quân đến đánh phá, quân địch phải bỏ thuyền mà chạy; quân nhà Nguyễn bắt được lương thực rất nhiều.

Tháng giêng năm Tân-dậu (Février 1801), đại-binh Nguyễn-triều tiến đến cửa Thi-nại, Trương dò biết được khẩu-hiệu của quân địch, canh ba đêm hôm 19, Trương bơi một chiếc thuyền nhỏ vào gò Tiều-cơ, sau khi chèo qua một dãy chiến-thuyền lớn của Tây-sơn đến trước miếu Tam-tòa, chém được đô đốc bên địch tên là Trà và đốt luôn được một dãy thuyền của Tây-sơn, Lê-văn-Duyệt

dẫn quân đến tiếp ứng đánh mặt ngoài phá tan được quân địch.

Nguyễn-vương lại sai Trương điều-bát thủy binh tiến luôn quân ra đánh Quảng-nam Quảng-ngãi. Ngài lại dụ rằng :

«...Người ra đây phải cho nghiêm quân-lệnh, không được dè cho quân sĩ quấy nhiễu dân mới được! »

Trương phụng-mệnh tiến binh đến cửa bể Đại-cồ-lũy ở Quảng-ngãi, đánh phá đốt được hết kho chứa lương-thực, đô-dốc Tây sơn tên là Tuấn phải bỏ đồn mà chạy thoát thân. Trương thừa thắng, kéo đến cửa Đại-áp trong tỉnh Quảng-nam đánh phá được đồn Bản-lân, bắt được 27 con voi rồi; tiến quân đến cửa Đại-chiêm (5) đánh phá luôn được cả các đồn của Tây-sơn ở Hội-an và Phúc-chiêm.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

(1) Phỏng theo Đại Nam chính biên liệt-truyện quyển 8, tờ 1 và B. A. V. H. 1914 p. 135.

(2) Tức là « Nước Xoáy » ở làng Long-Hung hạt Sadec ngày nay,

(3) Đồn Hàm-lương ở vào mỏm trên cà-lao Bảo trong hạt Bentre (Nam-kỳ).

(4) Trận này cũng có mấy viên thủy-quan người Pháp là Vannier và Dayot theo đánh.

5) Tức là cửa Đại ở gần Faifo.

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỖN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGŨ, MỘT MÓN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TU-ĐIỂN
của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập SỬ-HỌC của cụ Lại Bộ PHẠM-QUỲNH

Lịch triều hiến chương (Tiếp theo trang 17)

Tiếp theo mục trên (quyền X): nói tiếp về các ông tướng, nhưng là những tướng từ đời Lê Trung-hung.

Những bậc nho-giả có đức-hạnh, công-nghiệp (quyền XI):

Đời Trần 1 người;

Lê-sơ 10 người;

Mạc 4 người;

Lê Trung-hung 14 người.

Cái lệ chép những nhân-vật trong nho-lâm này, tác-giả có nói ở cuối mục rằng: « Những bậc văn nho xưa nay dường không sao chép xiết. Nhưng phàm những ai chỉ đi học rồi đỗ mà đức-vọng văn-chương không có gì rõ rệt để có thể khảo được thì đều không chép cả. Nay chỉ tóm nhặt lấy những nhân-vật cao tốt, trước sau được vài mươi người: hoặc được kể vì đạo-đức, hoặc được tỏ rệt vì khí-tiết, hoặc sở-trường về trước-thuật, hoặc nổi tiếng về văn-chương. Cái cơ được chép tuy mỗi người một khác, nhưng đều vì họ có danh-tiếng ở đời; tóm lại, vì họ đều là những người không phụ cái tiếng nho-giả.

Những bầy tôi tiết nghĩa (quyền XII) tức là hạng bầy tôi hoặc nghĩa liệt, hoặc tiết-thảo, hoặc tử trung.

Đời Trần 6 người;

Lê-sơ 41 người;

Cuối Lê 1 người.

III. — Quan-chức chí (quyền XIII)

Loại này gồm lại làm một cương, chia ra làm 5 mục:

1.) *Lịch đại phân thiết chí chương* (cải đại cương các đời chia quan đặt chức): chuyên kể về chức phẩm (quyền XIII).

2.) *Quan-danh duyên cách*

chỉ biệt: chuyên khảo sự dị đồng về quan danh lúc nói theo, lúc bãi bỏ (quyền XIV).

3.) *Thứ-tư chức-chương chỉ thủ*: nói rõ về việc làm của từng chức quan ở mọi ty (quyền XV — XVI).

4.) *Tước ẩm tư đồ chỉ điển*, là mục nói rõ những chế-độ về tước quan, về vinh-phong và thông tư, về ẩm-tự và tư-đồ, về lệ bổng-lộc (quyền XVII).

Trong mục « *tước ẩm tư đồ chỉ biệt* » lại chia ra những tiểu tiết như:

Tước cấp, nói từ đời Lý (1010-1224) đến mấy triều-đại nối sau: cái phép phong tước ra sao và phẩm cấp khác nhau thế nào.

Ấm-tự, nói từ đời vua Trần Thánh-tông năm Thiệu-long thứ 10 (1267) có lệ phong ẩm cho các tông-thất, rồi từ đó, các triều-đại chế-định ra sao.

Tư đồ, kể từ đời Lý trở đi, quan-lại xuất thân có nhiều đường lối: hoặc do tuyển-cử, hoặc do khảo-mục, hoặc do quyền tiền hay thóc.

Đến « *sĩ lệ ân tước chỉ điển* » cũng chia làm nhiều lệ (quyền XVIII).

Bổng-lộc lệ, kể từ Lý Thánh-tông, năm Long-chương thứ hai (1067) ban từ đồ-hộ phụ, sĩ-sư đến ngục-lại những bổng lộc như tiền, lúa, cá, muối v. v., mục đích để nuôi lòng thanh liêm cho họ.

Nội nhậm lộc lệ là những bổng lộc cấp cho từ hoàng thái-tử đến phụ-mã (phò-mã) đô-ủy cho đến thái nhân-tân nha môn.

Ngoại nhậm lộc lệ tức là bổng-lộc cấp cho các quan-lại từ chánh tư-phẩm trở xuống.

Lệ cấp ruộng cho các quan viên: kể lệ định từ năm Hồng-đức thứ tám (1477).

Lệ cấp nhà và vườn cho hạng cao quan: kể lệ định từ đời vua Lê Thái-tổ năm Thuận-thiên thứ nhất (1428).

Lệ thăng-thụ: kể lệ định từ đời vua Lê Thánh-tông năm Quang-thuận thứ bảy (1466).

Lệ tạ ân: kể lệ định từ đời Lê Hi-tông, Vĩnh-trị thứ năm (1680).

Lệ phó nhậm: kể lệ định từ đời Lê Thần-tông Khánh-đức thứ hai (1650).

Lệ kỷ chú, tức là cái lệ cứ cuối mỗi năm, mỗi ty phải làm sổ ghi chép những lai-lịch xuất thân của các quan-lại, tỏ rõ kỳ ra làm việc đã lâu hay mới đề tiện tra xét và so-sánh. Lệ này kể từ đời Lê Thần-tông Vĩnh-thọ năm thứ ba (1660).

Lệ đài lễ, chép từ đời Lê Thần-tông Thịnh-đức thứ hai (1654).

Lệ trí sĩ, chép từ đời Lê Thánh-tông Quang-thuận thứ hai (1461).

Lệ tặng tước chép từ đời Lê Giu-tông Bảo-thái thứ ba (1722).

Lệ tự sự (thề-lệ về sự cúng tế các quan văn võ) cũng chép từ năm Lê Bảo-thái thứ ba (1722).

Lệ truyền-cử khảo - khóa (quyền XIX):

Trước nói về việc truyền-tuyển (lựa chọn truyền-bồ), chép từ đời Lý Nhân-tông Thái-ninh thứ năm (1076).

Sau đó có phụ một mục là *tiền túc truyền thụ*, tức là cái lệ ban tước hay phẩm cho những ai quyền tiền hoặc thóc vào việc công ích.

Bảo cử tức là tiến cử những người hiền-lương ra làm quan, chép từ đời Lê Thái-tổ Thuận-thiên nguyên niên (1428).

Khảo-khóa là lệ khảo hạch văn võ quan-liêu, xem ai không có lỗi thì cho thăng trật. Mục này khảo từ đời Lý Anh-tông Thiệu-minh năm thứ 23 (1160).

(Còn nữa)

H. B.

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 15

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỒ
KHƯƠNG 康 Nguyễn đức		Phủ xuân	T	4	21b	cũng đọc Khang
KHƯƠNG 姜 Nguyễn văn		Vĩnh long, Vĩnh bình	S	15	7b	nay là vùng Long hồ, Chợ lách
KHƯƠNG » Trần phước		» »	S	8	6b	châu Trương phước Giai
-35						
L						
LAI 賴 Trần công		Vĩnh long, Vĩnh bình	S	17	6b	nay là Chợ lách
LÂM 攬 Nguyễn quang		Thanh hóa, Qui huyện	S	18	11b	
LÂM 覽 Trương công		Bình định, Phù mỹ	S	16	27a	
LAN 欄 Nguyễn đình		Gia định, Phước lộc	S	15	6b	nay là Lân giộc
LANG 琅 Đặng quốc	tự Ôn-như	Thanh hóa, Mỹ hóa	N	31	12a	
LÂM 林 Đỗ thành		Bắc ninh, An phong	S	18	10b	
LÂM » Nguyễn	tự Hắc-hiến	Thừa thiên	N	24	18a	con Nguyễn tri Phương
LÂM » Nguyễn dương		Thừa thiên	T	4	23b	
LÂM » Nguyễn tấn		Thừa thiên, Hương trà	N	25	22a	
LÂM 霖 Trịnh văn		Hưng yên, Ân thi	N	39	23a	
LÂN 隣 Đỗ văn		Định tường, Kiến hưng	S	46	23a	nay là vùng Tân hiệp (Mỹ tho)
LÂN » Hồ văn		Định tường, Kiến đẳng	S	13	13a	nay là vùng Cai lậy (Mỹ tho)
LÂN » Nguyễn		Gia định, Bình dương	S	17	6a	nay là vùng Sài gòn
LÂN 鄰 Nguyễn đức	trước tên Tiến	Bắc ninh, Đông ngạn	N	34	1b	Tổng mục chép 隣
LÂN 隣 Nguyễn văn		Biên hòa, Phước chánh	S	9	11a	nay là vùng châu thành và Tân uyên
LÂN » Trương văn		Định tường, Kiến hòa	S	17	11a	nay là vùng Chợ gạo (Mỹ tho)
LẬP 立 Nguyễn hữu	tự Nhu-phu	Nghệ an, Thanh chương	N	38	15b	
LÊ 勵 Nguyễn	trước tên Khắc-Cần	Sơn tày, An lạc	N	37	2b	
LÊ 禮 Bùi hữu		Thừa thiên, Phú vang	T	5	41b	
LÊ » Ngô văn		Định tường, Kiến đẳng	S	17	5a	nay là vùng Cai lậy (Mỹ tho)
LÊ » Nguyễn văn		Gia định, Bình dương	S	19	15a	nay là vùng Sài-gòn
LÝ 理 Huỳnh đẳng		Bình định, Tuy phước	S	25	11a	
LÝ » Lê đình		Bình định, Phù mỹ	N	27	11a	
LÝ » Nguyễn thị		An giang	N	44	8b	
LÝ » Nguyễn văn	tự Tuấn-phủ	Hà nội, Thọ xương	N	31	6a	
LÝ » Phạm văn		Gia định, Tân hòa	N	18	10a	nay là Gò công
LÝ » Võ văn		Hà nội, Nam xương	N	36	7b	
LỊCH 歷 Nguyễn huy	tự Ôn-như	Thanh hóa, Hoảng hóa	N	31	24b	
LIÊM 廉 Cù văn		Gia định, Bình dương	S	15	23b	nay là vùng Sài-gòn
LIÊM » Lê	tự Thanh-khé	Gia định, Lương phú	N	39	2a	nay thuộc Mỹ tho
LIÊM » Mai văn		Gia định, Tân long	S	15	24b	nay là Chợ lớn
LIÊM » Nguyễn văn		Gia định, Bình dương	S	15	22a	
LIÊM » Nguyễn văn	tự Thối-chi	Nghệ an, An thành	N	39	3b	
LIÊM » Trần hiền		không biết	S	26	10a	
LIÊN 連 Lê đa		Quảng bình, Lệ thủy	T	5	44a	
LIÊN 連 Ngô kim	cựu danh Lân	Thừa thiên, Hương trà	N	27	5a	
LIỄN 暹 Phan huy		Nghệ an, Đông thành	N	36	15a	
LIÊU 琉 Hồ huy	tự Tích-ông	Nam định, Đại an	N	33	21a	

1) T : Tiền biên, S : Sơ tập, N : Nhị tập

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 18

NGUYỄN HUY TƯỜNG

LÔNG Đặng-Lân phôi-phới... Hắn tưởng-lượng phứt ánh mắt bên cạnh người khuê các kia. Một bậc tuyệt sắc giai nhân chắc phải có một hương vị đặc-biệt hơn tất cả những kẻ tầm thường. Hắn đứng dậy quả quyết :

— Mệnh lệnh của Chúa thực là vô lý. Sao ta lại nhám mắt theo ? Có gì, đã có chị ta che chở. Mà khi sự đã rồi, Chúa có hối, chả nhẽ lại đem làm tội con rể.

Nghĩ đến đây, hắn gọi lớn :

— Bùi Đăng ! Bùi Đăng ! Lên mau, cậu hỏi.

Nghe giọng nói, Bùi-Đăng biết là cơn điên của chủ đã dịu, hắn chạy lên thưa :

— Thưa cậu, cậu truyền gì ?

Thấy chủ nhìn lên lầu Quận-Chúa, Bùi-Đăng đoán được ý, nói ngay.

— Thưa cậu, cậu nên đi tắm rửa. Đêm thanh, cảnh vắng, đây là lúc cậu nên lên lầu nói chuyện với Quận-Chúa. Cậu đánh chén quá say, quên cả lễ hợp cần, cậu thực là một ông tân-lang kỳ quặc !

Đặng-Lân nói :

— Mày đun nước thơm mau, để ta tắm rồi lên lầu gặp mặt vợ ta.

Bùi Đăng dạ dạ luôn miệng. Một lúc lâu, Đặng-Lân tắm rửa sạch sẽ, mũ áo chỉnh tề, soi gương lấy làm tự đắc lắm. Quay-hỏi Bùi Đăng :

Ta có xứng là rể Chúa Tĩnh-Đô không ?

Bùi Đăng lấy phục trước mặt Đặng-Lân và thưa :

— Cậu không xứng thì còn ai xứng nữa ? Chúa thực đã kén chọn được một vị giai tử. Và Quận-Chúa được một đấng chồng như cậu, thực là cũng là tốt duyên. Nghĩa là anh, đây ở trong nhà, cứ quen mồm gọi cậu, chứ người ngoài thì một là

bầm Phò-mã hai là hô Thiên tuế, con rể Chúa có phải chuyện tầm-thường ?

Lân cười hip mắt lại :

— Phò-mã cũng được người ta hô Thiên tuế à ? Tưởng chỉ có Thế tử ?

Phò mã thì khác gì Thế tử ? Cậu bây giờ phải đặt ra lễ nghi trong phủ, bắt buộc mọi người phải bầm là Phò mã, phải hô là Thiên tuế. Ra đường cũng vậy, ai không tuân theo, chém đầu hiệu lệnh. Việc ấy, cậu mà giao cho con, con xin làm đầu vào đấy.

— Ta không giao cho mày, thì còn ai giúp được việc ấy.

— Con còn có ý cho đặt ngoài chính môn một cái biển vàng đề ba chữ « Phò mã phủ » bắt ai đi bộ qua cũng phải cúi đầu chào, ai đi ngựa cũng phải xuống, như thế mới trọng-thể, mới uy-nghi, mới xứng với cái địa-vị của cậu.

— Phải đấy việc ấy ta nhờ mày. Mày không nói, ta cũng không nghĩ ra.

— Lại còn việc này nữa...

— Việc gì ?

— Cậu cũng nên bắt chước thói các vương hầu, lấy nhiều mỹ nữ, đặt ra buồng này buồng nọ, vừa để thêm sang, vừa để tận hưởng đời trai trẻ. Trong nhẽ mới có hơn 50 người, toàn là những kẻ tầm thường, nay cậu nên cho người đi bắt độ năm chục nữa, rồi tùy sắc, tùy tài, chia ra từng hạng : hạng vũ nữ, nhạc nữ, thị-nữ, văn văn. Cậu nghĩ có nên không ?

— Nên lắm, mà có thể mới đủ. Việc ấy ta giao cho mày.

— Con xin giúp cậu. Nhưng cậu cũng nên lên lầu đi, gần sáng rồi còn gì. Nói chuyện, thì còn bao nhiêu điều đáng nói.

— Vậy ta lên với Quận-Chúa đây. Thế nhờ hai thằng già sinh sự thì làm thế nào ?

— Thì đánh cho một mẻ, đã làm gì được. Hai cái lão ấy, con trông chừng mắt lắm ! Thực chưa có đám cưới nào lạ-lùng và vô-lý như đám cưới cậu ! Cho quan đi kèm con gái thà đừng cho cưới còn hơn.

Đặng Lân cười vui vẻ, bước sang lầu.

Lương Ngự-sử và Khê trung hầu bấy giờ vẫn thức. Hai vị lão thần đã được mục kích cảnh đám-ô và cuộc tàn sát dã man. Lương ngự-sử nói :

— Tôi đã nghe thấy người ta nói nhiều về sự bạc-ác và cái thói kiêu-xa dâm-dật của nó, không ngờ những nhời truyền chưa thấm vào đâu với sự thực. Nếu thế thì ra nó lộng-hành quá.

Khe trung-hầu nói :

— Tôi cũng không tưởng đến thế. Mà đây là giữa hôm cưới đấy, những hôm khác nó còn hoành-hành đến đâu ? Nó giam không biết bao nhiêu đàn bà, con gái !

— Cụ không xem đấy ư ? Trong kinh-thành, bao nhiêu người mất con, mất vợ, có ai dám nói gì ? Mấy lần đến tại chúa-thượng, ngài ngự đi, từ đó, còn ai dám phạm đến nó ? Ở vùng quê mới khổ nữa : Cứ mong manh đâu có con gái hay đàn bà đẹp, là nó mang lũ vô lại tới tận nơi, bắt hiếp đem đi, ai chống cự, đánh chết ngay lập tức, chẳng ai dám hỏi tội cả.

Khe trung-hầu thở dài :

— Chỉ thương hại cho Quận-chúa ! Trách sao khỏi sự dập liêu vùi hoa ?

— Cụ tính thế nào ?

— Chắc nó còn nể chúa-thượng, nên không dám tới đây. Con qu

dám-dục và tàn bạo ấy cứ nghe thấy có đàn bà là lăn vào, hưởng chỉ là vợ nó.

— Việc này không thể dễ yên được. Tôi tính ta phải làm cho ra nhẽ. Tôi là đại-quan, lại càng không thể bỏ qua được. Phải tâu cho Chúa-thượng biết. Vậy thì ngay bây giờ, tôi thảo biểu tâu lên Chúa-thượng, nói rõ tình hình trong phủ Đặng-Lân. Cứ đề thế này thì hại dân, hại nước, thương luân bại lý, không mấy lúc mà loạn! Cụ tính sao?

Khê trung hầu trầm ngâm một lúc, rồi nói:

— Cụ dạy phải làm. Chỉ e Chúa-thượng không xét. Chúa-thượng bây giờ như nhược quá lắm. Tôi ở gần nên biết rõ. Chúa không quyết định được điều gì, Tuyên phi muốn thế nào là Chúa theo thế ấy. Bao nhiêu đọan kiện Đặng-Lân đến tâu Chúa, Chúa lại cho Tuyên phi xem; một giọt nước mắt của Tuyên phi, cũng đủ xóa hết tội Đặng-Lân. Kêu Chúa thì kêu nhưng chưa chắc đã thành.

— Không thành, tôi cũng thương biểu. Những sự chương tui gai mắt này phải để Chúa biết. Có thế thì mới cứu được Quận chúa. Tôi nhất định không để cho Quận chúa sa vào tay quân cường bạo...

Bỗng hai vị đại-thần thấy Đặng-Lân đi lại Khê-trung-hầu nói:

— Nó lại chẳng?

Lương Ngự sử nói:

— Chắc hẳn rồi.

— Tôi nhất định không cho lên.

TRI-TÂN SẼ TĂNG GIÁ TỪ 1^{ER} JUIN 1943

Các bạn đồng-nghiệp hàng ngày đã tăng giá: đó vì vật giá càng ngày càng đắt, nhất là giấy mực. Nếu chúng tôi cứ giữ giá bán tờ Tri-Tân như giờ thì lỗ vốn nhiều quá; chúng tôi không thể hi sinh mãi nên bắt đầu từ 1^{er} Juin 1943 Tri-Tân cũng phải tăng giá lên như sau:

mỗi số	0 \$ 30
3 tháng	3 50
6 —	6 50
1 năm	12 00

1-) Các bạn mua báo trả tiền rồi không phải trả thêm.

2-) Các bạn mua báo mà chưa trả tiền nên trả trước ngày 1^{er} Juin 1943 chỉ phải trả theo giá cũ là: 3 tháng 2 \$ 35 — 6 tháng 4 \$ 50 — 1 năm 8 \$ 50.

3-) Các bạn mới nên mua báo mà trả tiền trước ngày 1^{er} Juin 1943 cũng được hưởng theo giá cũ như trên đã nói.

4-) Các học-sinh các trường mua báo giá tiền ngay vẫn được hưởng lệ trừ 20%.

Tri Tân Tạp Chí

— Chúa giao cho mình việc giữ Quận-chúa, dù phải chết tội cũng không phụ nhờ ủy thác.

— Đó là phận sự chúng mình. Hưởng chỉ tôi hầu-hạ Quận-chúa từ nhỏ, tình nghĩa rất nhiều. Chúa-thượng lại ân cần giao phó cho tôi công việc trông nom Quận chúa, trách nhiệm của tôi còn trọng đại hơn trách nhiệm quan Ngự-sử nhiều lắm.

Khê trung hầu nói vừa dứt nhời, thì Đặng-Lân cũng vừa lời gõ cửa.

Lương Ngự-sử thét:

— Ai?

Tiếng thét đồng đặc, đánh thép khiến Đặng-Lân hơi chột dạ. Trước lần trong phủ hẳn mà hẳn trông như đứng trước chốn tôn nghiêm hẳn đáp có vẻ lễ phép:

— Tôi, Quốc cữu, tôi Phò mã đây mà!

Khê trung-hầu nói:

— Xin kính chào Phò mã. Chẳng hay Phò mã nửa đêm truyền báo việc gì?

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỜNG

Là người Việt-Nam, ai cũng nên dùng:

Dầu hỏa Việt Nam, hiệu Thiên Thần

do cha Chức chánh xứ Tự-Liệt Văn-Điền (Hà-dông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bắc không rắn lại, ngọn đèn không lụi đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi Agence Générale pour l'Indochine là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi. giấy nói số 494



Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả
Pháp văn đối chiếu.

150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.

Bản thường 1 \$ 00 — Bản giấy Đại La 5 \$ 00

KIM-VĂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23

Bản thường 2 \$ 00 — Bản giấy Vergé bouffant 7 \$ 00

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Nữ

Ngót 100 trang khổ 12×17

Bản thường 0 \$ 50 — Bản giấy gió 4 \$ 00

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23

Bản thường 0 \$ 80 — Bản giấy Đại la 5 \$ 00

Tổng phát-hành Mai-Linh

21 Rue des Pipes — Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHỮ

QUYỀN THỨ I : 1 \$ 20

QUYỀN THỨ II : 1 \$ 50

Đã xuất-bản trong « Tủ-sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị hợp tập
được hết tất cả những bài văn thơ có giá
trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú
rất công phu. Sách in cực đẹp.

Đã có bán

GỐC TÍCH

LOÀI NGƯỜI

của Giáo Sư

Nguyễn-đức-Quỳnh

Giá 1 \$ 80

Mở đầu cho bộ « lịch sử thế giới » cuốn
nghiên-cứu này sẽ trả lời cho những ai đang
băn khoăn về do lai vũ trụ, do lai trái đất, do
lai nhân loại một cách rất khoa học, rõ ràng.

Mua lẻ xin nhớ gửi tiền trước
thêm 0 \$ 40 cước đảm bảo

HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

ĐÃ CÓ BÁN :

ĐÀO-DUY-ANH

*

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời thái-cổ đến ngày nay, quyển sách
đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-
hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã
làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai
mươi thế kỷ). Giá bán: 3 \$ 00

VĂN-HÒA

29, Maréchal Pétain — Huế